

## THUẬT TÁN PHẦN LÝ THỨ BÁT NHÃ CỦA KINH ĐẠI BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA

### QUYỂN 3

*Kinh viết: “Bấy giờ, Thế Tôn lại nương vào tướng biến chiếu Như*

Tán rằng: Phần trên là phần thứ nhất nói về thực tướng cảnh pháp.

Dưới đây là phần thứ hai nói về Tịch Tĩnh pháp tính hiện đẳng giác môn. Tức là quán chiếu chánh trí thể cảnh chơn tính của các môn trước. Ở đây nói về tướng của trí; trong đó cũng có ba phần: Phần đầu Phật thuyết danh hiệu của pháp môn; môn này cũng có hai phần: Phần đầu nói rõ chỗ nương vào tướng của Như Lai; phần sau trình bày tên gọi các pháp môn đã nói. Đây là phần đầu vậy.

Các môn trước nói về tính, pháp của bản thể chẳng gọi là tướng, những môn sau là nghĩa; do đó mà gọi là tướng. Tổng thể Như Lai là biệt hữu đa năng. Nay nương vào một nghĩa, chính là tướng của biến chiếu Như Lai. Tướng là tướng của nghĩa, tướng của thể, tướng trạng; chẳng phải là cái tướng của sự phân biệt có tướng. Nay đối với pháp của vô tướng, sau sẽ nói cái tướng của nghĩa tướng. Do Nhất thiết trí, Nhất thiết chủng trí đoạn dứt mê hoặc, du quán hai chủng trí, nên với tất cả pháp đều có thể hiểu biết, gọi là Biến chiếu. Cái Trí của sự Biến chiếu, tức là tướng Như Lai. Nay dựa vào tướng của thể đó mà nói với pháp môn, cho nên gọi là nương vào tướng của Biến chiếu.

*Kinh viết: “Vì chư Bồ-tát mà tuyên thuyết Bát-nhã Ba-la-mật đa. Nhất thiết Như Lai tịch tĩnh pháp tính, thậm thâm lý thú, hiện đẳng giác môn”.*

Tán rằng: Đây là sự trình bày về tên của pháp môn đã thuyết. Nhất thiết Như Lai tịch tĩnh pháp tính thậm thâm lý thú; tức ở trên đã nói thật tướng diệu pháp là lý thú thăm thẳm pháp tính yên lặng của tất cả chư Phật.

Hiện đẳng giác môn: Hiện là biểu hiện, hiện tiền, rõ ràng, chính mình

tự chứng. Đẳng là nghĩa của Biến khắp. Giác là nghĩa của chiếu. Ý này là hiển bày Trí vô phân biệt rõ ràng, chính mình có thể biến chiếu pháp tính.

Hiện đẳng giác thể tức trí vô phân biệt.

Môn nghĩa là con đường nhập vào. Vì có thể nói các pháp nhờ đó thành con đường để nhập vào pháp tính. Trí vô phân biệt, nhờ giáo lý sâu xa đó làm con đường nhập vào Hiện đẳng giác.

*Kinh viết: “Gọi là kim cương bình đẳng tính hiện đẳng giác môn là vì đại Bồ-đề rất kiên cố, thật khó bị hư hoại như kim cương vậy”.*

Tán rằng: Đây là phần hai, có bốn môn. Thứ nhất có thể chặt đứt sanh tử vì tính cứng rắn, ngang với tính chất của kim cương. Hiện đẳng giác là năng phá sanh tử. Cái giác của hiện đẳng giống như kim cương. Bởi vì pháp tích Bồ-đề, sở chứng của trí, kiên cố chân thực khó có thể phá hoại như kim cương. Cho nên cái trí năng chứng gọi là trí kim cương. Kim cương Bát-nhã, gọi là kim cương, nghĩa cũng như vậy. Bởi vì sở chứng tính như kiên cố chắc chắn, cho nên cái trí năng chứng cũng như kim cương có thể phá sanh tử.

*Kinh viết: “Nghĩa Bình đẳng tính, Hiện đẳng giác môn bởi Đại Bồ-đề; nghĩa của nó là một”.*

Tán rằng: Đây là trí thứ hai, quán sát Trí sở thuyên. Tất cả các ng- hĩa hữu vi vô vi đều bình đẳng; vì pháp bốn tính chơn như Bồ-đề nghĩa đó là một, cho nên tính không có sai biệt.

*Kinh viết: “Pháp Bình đẳng tính, Hiện đẳng giác môn vì đại Bồ-đề tự tính tịnh”.*

Tán rằng: Đây là trí thứ ba, Quán Sát Năng thuyên Trí. Vì cái lý sở chứng, tính đại Bồ-đề, tính thanh tịnh; đối với giáo lý năng Huyền, ngộ nó là bình đẳng.

*Kinh viết: “Tất cả pháp bình đẳng tính Hiện đẳng giác môn; vì đại Bồ-đề đối với tất cả đều không phân biệt”.*

Tán rằng: Đây tức trí thứ tư, thông chứng chư pháp trí.

Tất cả pháp nghĩa là trong các pháp hữu vi, vô vi đều Hiện đẳng giác vì bốn tính pháp ở trong các pháp, đều không có phân biệt. Cho nên bốn tính pháp cũng tính bình đẳng. Giống như mây mù trong bầu trời; giống như các hình vẽ trên tấm bình phong; bầu trời và bình phong đều không phân biệt, mây và hình vẽ hiện khởi đủ thứ tướng.

*Kinh viết: “Phật thuyết Tịnh tịnh pháp tính, Bát-nhã lý thú, hiện đẳng giác] như vậy rồi”.*

Tán rằng: Từ đây là phần kết thứ ba khen ngợi Đức của pháp .

Đây là phần kết vậy.

*Kinh viết: “Nói với nhóm Bồ-tát kim cương rằng; Nếu có người nghe được bốn loại Bát-nhã lý thú hiện đẳng giác môn như vậy rồi, tin hiểu, thọ trì, đọc tụng, tu tập; cho đến đang ngồi tòa diệu Bồ-đề tuy tạo tất cả ác nghiệp cực nặng, thì vẫn có thể vượt khỏi tất cả cõi ác, mau chóng chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề”.*

Tán rằng: Đây là ca ngợi về Đức. Theo trong kinh thì có mười pháp hạnh. Ở trên chỉ nói có sáu pháp hạnh: 1. Nghe; 2. Tin hiểu; 3. Thọ trì; 4. Đọc; 5. Tụng; 6. Tu tập. Bắt đầu từ hôm nay, nếu thực hành mười pháp hạnh suốt đến tương lai, ngồi tòa Bồ-đề thành Phật, tuy tạo tất cả ác nghiệp cực nặng; nghĩa là tà kiến trong kiến, ý nghiệp trong nghiệp phá hòa hợp tăng . . . đều đã tạo, nhưng nhờ ngộ giải cho nên không bị nhiễm, mà còn có thể vượt khỏi tất cả các cõi ác. Bởi nghe kinh và hành các đại oai thần lực; nên các ác nghiệp đó không tăng trưởng, nên không đọa ba đường ác, mà còn mau chứng Vô thượng Bồ-đề. Các công đức đó giống với các công đức trước; nhưng để nói lên sự thắng dụng riêng của kinh, cho nên nhắc lại.

*Kinh viết: “Bấy giờ, Thế Tôn lại nương vào tướng của Thích Ca Mâu Ni Như Lai, điều phục tất cả ác pháp”.*

Tán rằng: Dưới đây là phần thứ hai của hai đoạn kinh nói về thực hành cảnh pháp. Trong hai đoạn ấy: đoạn đầu là điều phục chúng ác phổ thắng pháp môn; do quán thật tướng nên có thể chế phục các ác. Đoạn sau là bình đẳng trí ấn thanh tịnh pháp môn; do quán quán chiếu trí huệ chiếu minh.

Đây là đoạn đầu; trong ấy có ba phần: Phần đầu nói về danh hiệu của pháp môn được thuyết. Trong ấy lại có hai: Phần đầu nói chỗ nương vào tướng Như Lai. Ở đây là phần đầu.

“Tất cả ác pháp”; là nhị chướng phân biệt; là nhân quả phân biệt; là nhiễm tịnh phân biệt; đều có thể trừ.

- Thích Ca nghĩa là năng.

- Mâu Ni nghĩa là tịch mặc.

Có khả năng điều các ác, lìa các huyên động; pháp huyên động là pháp sinh tử, cho nên gọi là tướng Như Lai năng tịch mặc. Nương vào Tướng Như lai năng tịch, điều phục tất cả ác pháp, đó mà thuyết pháp môn này.

*Kinh viết: “Vì chư Bồ-tát mà tuyên thuyết Bát-nhã Ba-la-mật đa, nhiếp thọ tất cả pháp bình đẳng tính thậm thâm lý thú phổ thắng pháp môn”.*

Tán rằng: Đây là phần trình bày tên gọi pháp môn được thuyết. Nhiếp thọ tất cả pháp bình đẳng tính; nghĩa là nhiếp tất cả nhiễm tịnh,

nhân quả đều nhập hết vào trong pháp giới tính bình đẳng. Vì vậy mà phổ thắng các ác; do đó pháp môn này gọi là pháp phổ thắng.

***Kinh viết: “Nghĩa là tính của tham dục không có hý luận, cho nên tính của sân nhuế cũng không có hý luận; tính của sân nhuế không có hý luận, cho nên tính của ngu si cũng không hý luận. Tính của ngu si không hý luận, cho nên tính do dự cũng không hý luận. Tính của do dự không hý luận, cho nên tính của chư kiến cũng không hý luận. Tính của chư kiến không hý luận, cho nên tính của kiêu mạn cũng không hý luận”.***

Tán rằng: Dưới đây là nói phần hai; nói về chánh thuyết pháp môn; trong đó có ba phần: Phần đầu nói riêng về tính của các pháp hoặc nghiệp sinh tử, không có hý luận. Phần hai nói tính của các pháp nhiễm và tịnh không hý luận. Phần ba nói Bát-nhã cũng không hý luận, kết quy về thâm thú. Trong phần đầu lại có ba: 1. Nói phiền não tính không hý luận; 2. Nói về nghiệp; 3. Nói về quả. Trong phần phiền não lại có hai phần: Phần đầu nói về căn bản phần sau nói về tùy hoặc. Đây là phần căn bản, căn bản có sáu; do sáu thứ đó làm gốc rễ cho nên tất cả phiền não đều tăng trưởng.

Câu: “Nghĩa là tính tham dục không có hý luận”, nghĩa là tính của pháp nhiễm vọng tức chơn như. Pháp thể của chơn như thì không có hý luận. Hý luận nghĩa là tướng của phân biệt, tướng của lời nói, tướng của tâm tứ. Do hý luận, cho nên có những phân biệt chấp trước nhiễm và tịnh. Vì phân biệt cho nên sinh ra sinh tử. Biết không có hý luận, thì nhiễm và tịnh đều mất; nhiễm tịnh mất thì tính vô phân biệt; vì vô phân biệt cho nên sinh tử diệt; và có thể trừ ác. Phần sau cũng giải thích như vậy ba phần. Ba thứ đầu là ba độc. Do dự là nghi. Chư kiến là năm kiến tức là Da thôi Độ. Kiêu là kiêu dật. Mạn là bảy mạn; ỷ mình khinh người gọi là mạn. Sáu căn bản đó bản tính chơn như, tính không hý luận; tính không hý luận, cho nên có thể lìa phân biệt, khế hợp bốn tính đó thì lìa phân biệt, không hý luận, tất cả ác pháp đều được hàng phục.

***Kinh viết: “Tính của kiêu mạn vô hý luận, cho nên tính của các Triền cũng vô hý luận. Tính của các Triền vô hý luận, cho nên tính của phiền não cấu cũng vô hý luận”.***

Tán rằng: Đây là nói về tùy hoặc.

Triền là số, số tăng thịnh, hiện tiền ràng buộc nơi tâm, nên gọi là triền; gồm có tám thứ: Hôn trầm, Thùy miên, làm chướng ngại chỉ (Định). Trạo cử ác tác, làm chướng ngại cử. Tật san (keo kết đố kỵ) làm chướng ngại cho xả. Không mắc cỡ, xấu hổ, làm chướng ngại giới cho nên chỉ lập tám thứ.

Cấu có sáu thứ: Hại, hận, não, siểm, cuồng, kiêu; những thứ này làm

nhờ nhờp chúng sanh, cho nên gọi là cấu. Sáu tướng thô đó rất đáng chê trách, lấy tên là cấu.

*Kinh viết: “Tính của phiền não cấu không có hý luận cho nên tính của ác nghiệp cũng vô hý luận. Tính của các ác nghiệp vô hý luận, cho nên tính của các quả báo cũng vô hý luận”.*

Tán: Các Hoặc ở trên vô hý luận thì nghiệp quả cũng như vậy. Tóm lại, tính của các pháp sanh tử vô hý luận. Chứng không có hý luận đó cho nên lia được tất cả ác pháp của sinh tử.

*Kinh viết: “Vì Tính của các quả báo không có hý luận, nên tính của pháp tạp nhiễm cũng không hý luận. Tính của pháp tạp nhiễm không hý luận, nên tính của pháp thanh tịnh cũng không hý luận. Tính của pháp thanh tịnh không có hý luận; nên tính của tất cả pháp cũng không hý luận”.*

Tán rằng: Đây là phần thứ hai, nói về tính của các pháp nhiễm và tịnh không hý luận.

Tạp nhiễm là gồm thâu hết tất cả pháp hữu lậu bị nhiễm tạp.

Thanh tịnh là gồm thâu hết tất cả pháp vô lậu. Nhất thiết pháp là tổng gồm thâu tất cả hữu lậu, vô lậu, hữu vi vô vi, sanh tử luân hồi. Trước nhiễm, sau tịnh; trước riêng sau chung, vì theo nghĩa thứ đệ.

*Kinh viết: “Tánh Nhất thiết pháp vô hý luận, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật đa cũng không có hý luận”.*

Tán rằng: Do tính của cảnh sở quán không có ý luận nên trí của năng quán cũng không hý luận; vì biết như thật. Do cảnh, trí đó đều không có hý luận, cho nên lia tất cả phân biệt trong sinh tử; hàng phục tất cả ác pháp, tất cả pháp ác đều hết tận.

*Kinh viết: “Phật thuyết điều phục chúng ác Bát-nhã lý thú phở thảng môn như vậy rồi”.*

Tán rằng: Từ đây là phần ba ca ngợi ý đức của kinh này. Đây là câu đã kết ở trước.

*Kinh viết: “Bảo với Bồ-tát Kim Cang Thủ v.v... rằng: Nếu có người được nghe Bát-nhã Ba-la-mật đa thậm thâm lý thú như vậy mà tín giải, thọ trì, đọc tụng, tu tập. Giả sử có sát hại tất cả hữu tình trong ba cõi,*

*nhưng không do vậy mà bị đọa ở địa ngục, bàng sanh, quỷ giới; vì có thể điều phục được tất cả ác nghiệp phiền não và tùy phiền não”.*

Tán rằng: Nhờ oai lực của kinh nên có thể điều phục các ác, cho nên tội sát ấy điều được tiêu trừ. Do ngộ pháp tính khởi thảng hạnh ấy, cho nên tội lớn đó không chiêu cảm quả ác. Vì nhờ oai lực của kinh,

khéo điều phục được tất cả ác nghiệp phiền não và tùy phiền não, nên dù có làm các tội ấy cũng không chiêu cảm quả ác. Tướng trói, trói buộc chúng sanh, cũng do sự thô trọng trói buộc cái thiện. Sau này dùng song tu chỉ quán mới được giải thoát. Tất cả ác nghiệp từ phiền não sinh ra; tất cả phiền não từ phân biệt mà khởi lên! Nay lia hý luận, đoạn dứt các phân biệt. Phân biệt đã hết thì nghiệp hoặc cũng mất, cho nên tội lớn đó, nhờ nghe kinh, tin hiểu chắc chắn được tiêu diệt.

*Kinh viết: “Thường được sinh ra ở cõi thiện, thọ nhân thắng diệu lạc, tu hạnh đại Bồ-tát mau chứng vô thượng chánh đẳng Bồ-đề.”*

Tán rằng: Phần trên thì có thể trừ ác; phần dưới thì có thể nhiếp thiện. Trong hai quả ấy; một là quả của thế gian, một là quả của xuất thế gian.

*Kinh viết: “Bấy giờ, Thế Tôn lại nương vào tướng của tính tịnh Như Lai; vì các Bồ-tát mà tuyên thuyết Bát-nhã Ba-la-mật đa, Nhất thiết pháp Bình-đẳng-tính, Quán-tự-tại-diệu-trí-ấn-thậm-thâm-lý-thú- hanh-tịnh-pháp-môn.”*

Tán rằng: Đây là đoạn thứ tư; do Quán quán chiếu trí tuệ chiếu minh; để hiển bày hạnh cảnh giới trong văn có ba phần, cũng giống giải thích ở trên.

Do trí năng quán, chứng hội các pháp bốn tính thanh tịnh; cho nên trí, tướng phân biệt đều lia, gọi đó là tính tịnh, nay gọi là đặc thanh tịnh.

“Nhất thiết pháp bình đẳng tính chính là chơn như quán tự tại là bi hạnh. Diệu trí ấn là trí hạnh. Lại nữa, vì quán tự tại tức diệu trí ấn là ấn nhất thiết pháp bình đẳng. Các câu văn còn lại có thể hiểu rõ.

*Kinh viết: “Nghĩa là tất cả tham dục bốn tánh thanh tịnh cực chiếu minh; cho nên khiến cho thế gian sân nhuế thanh tịnh. Tất cả sân nhuế bốn tính thanh tịnh cực chiếu minh; cho nên có thể khiến cho thế gian ngu si thanh tịnh. Tất cả ngu si bốn tính thanh cực chiếu minh; cho nên có thể khiến cho thế gian nghi hoặc thanh tịnh. Tất cả nghi hoặc bốn tính thanh tịnh cực chiếu minh cho nên có thể khiến cho thế gian kiến thú thanh tịnh. Tất cả kiến thú bốn tánh thanh tịnh cực chiếu minh; cho nên có thể khiến cho thế gian kiêu mạn thanh tịnh.”*

Tán rằng: Đoạn trên gồm ba phần, như trên đã nói. Đoạn trước là cảnh; đoạn này là trí; vì chiếu minh trước. Nghĩa là đối với tham dục cực chiếu minh trong cảnh bốn tính chơn như thanh tịnh. Năng chiếu sáng chính là trí; vì tham dục là gốc sinh ra sân.

*Kinh viết: “Tất cả kiêu mạn bốn tính thanh tịnh cực chiếu minh; cho nên có thể khiến cho triền và kết sử thuộc thế gian thanh tịnh. Tất cả triền và kết sử bốn tính thanh tịnh cực chiếu minh, cho nên có thể khiến cho cấu uế của thế gian được thanh tịnh.”*

Thuật rằng: Đây nói về tùy phiền não bốn tính thanh tịnh cực chiếu minh. Nghĩa của triền cấu giải thích như trên. Đã nói kết tức là chín kết sử: Ái, nhuế, mạn, vô minh, kiến, thủ, nghi, tật đố, keo kiệt. Kết là kết buộc; có thể hòa hợp khổ, khổ có thể giải mở cho nên gọi là kết.

*Kinh viết: “Tất cả cấu uế bốn tính thanh tịnh cực chiếu minh; cho nên có thể khiến cho ác pháp thế gian được thanh tịnh. Tất cả ác pháp bốn tính thanh tịnh cực chiếu minh; cho nên có thể khiến cho sinh tử thế gian thanh tịnh.”*

Tán rằng: Phần trên nói về Hoặc. Đây nói về nghiệp quả. Vì ng- hiệp sinh tử bức bách nghiệp quả, nên gọi là ác pháp. Nói sinh tử là quả dị thực, tức các quả khổ của ác nghiệp trước.

*Kinh viết: “Tất cả sinh tử bốn tính thanh tịnh cực chiếu minh; nên có thể khiến cho thế gian các pháp thanh tịnh.”*

Tán rằng: Các pháp thế gian tức các pháp tạp nhiễm, gồm thân cả hữu lậu. Dưới đây là phần hai, tổng nhiếp các pháp.

*Kinh viết: “Vì tất cả pháp bốn tính thanh tịnh cực chiếu minh, cho nên có thể khiến cho thế gian hữu tình thanh tịnh.”*

Tán rằng: Vì có pháp hữu lậu mà thành hữu tình; cho nên sau khi nói hữu lậu, rồi mới nói về hữu tình.

*Kinh viết: “Vì tất cả hữu tình bốn tính thanh tịnh cực chiếu minh, cho nên có thể khiến thế gian nhất thiết trí thanh tịnh.”*

Tán rằng: Trong xuất thế gian, nhất thiết trí là gốc. Trí ấy gồm thân hết các pháp thanh tịnh khác. Ba thừa tổng quán các trí vô ngã, gọi là Nhất thiết trí.

*Kinh viết: “Vì nhất thiết trí bốn tính thanh tịnh cực chiếu minh; cho nên có thể khiến cho thế gian thậm thâm Bát-nhã Ba-la-mật đa tối thắng thanh tịnh.”*

Tán rằng: Đây là phần ba Bát-nhã thanh tịnh. Do có thể chiếu sáng tất cả pháp tính bốn tính thanh tịnh; cho nên trí năng quán tối thắng thanh tịnh rất tương ứng với cảnh sở duyên.

*Kinh viết: “Phật thuyết pháp thanh tịnh bình đẳng trí ấn Bát-nhã lý thú như vậy rồi.”*

Tán rằng: Từ đây trở đi là đoạn thứ ba nói về thắng đức của kinh. Bình

đẳng trí ẩn nghĩa là tất cả pháp tính vô hý luận. Trí của năng quán gọi là bình đẳng trí ẩn.

*Kinh viết: “Nói với Kim cang thủ Bồ-tát v.v... biết rằng: Nếu có người nghe được Bát-nhã Ba-la-mật đa thanh tịnh lý thú như vậy mà tín giải, thọ trì, đọc tụng, tu tập; thì dù có ở trong tụ cấu uế của tất cả tham sân si khách trần phiền não cũng vẫn như hoa sen, không bị nhiễm bởi những lỗi lầm như nhớp của tất cả khách trần.”*

Tán rằng: Do trí năng quán, quán pháp nhiễm tịnh bốn tính thanh tịnh; cho nên trú ở phiền não nhưng không bị nhiễm ô. Vì ngộ bốn tính nên ở đây nói là lìa lỗi lầm.

*Kinh viết: “Thường có thể tu tập thắng hạnh của Bồ-tát, thì mau chứng Vô thượng chính đẳng Bồ-đề.”*

Tán rằng: Đây là giải thích về sự đắc quả thiện. Do khởi pháp hạnh, ngộ ở chơn trí, cho nên thường tu tập thắng hạnh của Bồ-tát, cho đến cuối cùng mau chứng Bồ-đề.

*Kinh viết: “Bấy giờ, Thế Tôn lại nương vào tướng Như Lai thắng chúa của tất cả ba cõi.”*

Tán rằng: Trong sáu phần nói về cảnh, từ đây là phần ba, có hai đoạn kinh nói về cảnh pháp quả. Trong hai đoạn ấy; đoạn đầu là pháp vương quán đánh trí tạng pháp môn, do hai hạnh mà đắc tài vị quả. Đoạn sau là Như Lai trí ẩn kim cang pháp môn, do hai hạnh mà đắc tự thể quả. Ở đây là đoạn đầu, trong ấy có ba phần như những đoạn trên. Phần đầu nói về tên gọi của pháp môn; trong này lại có hai phần đầu nói về nương vào tướng của Như Lai, phần sau nói tên của pháp môn đã thuyết. Ở đây là phần đầu.

Căn nhà ba cõi! Quấy nhiễu bất an, phiền não trùng thú, ngọn lửa khổ não, bức bách không lường, nhiều thứ sợ hãi, khiến cho hữu tình sống trong nguy nan. Nhờ chư Phật Thế Tôn, như một đại trưởng giả thương xót các con, ra tay cứu giúp; cho nên chư Phật Thế Tôn được xưng là chúa của ba cõi. Phật là vua pháp, cho nên gọi là thắng chúa, theo địa vị tôn quý đó mà thuyết pháp môn.

*Kinh viết: “Vì chư Bồ-tát mà tuyên thuyết Bát-nhã Ba-la-mật đa. Tất cả Như Lai hòa hợp cùng quán đánh thậm thâm lý thú trí tạng pháp môn.”*

Tán rằng: Đây nói về tên hiệu của pháp môn đã được tuyên thuyết. Khi nói đến địa thứ mười, sắp thọ nhận ngôi vua pháp Như Lai. Tất cả Như Lai ở mười phương hòa hợp cùng tươi rửa đỉnh đầu đó. Như phép nhận ngôi vua của giai cấp quý tộc Sát-đế-lợi vậy. Nay Bồ-tát đó



nhận ngôi vị Phật tôn quý thì lấy nước pháp gì để tẩy rửa đỉnh đầu họ, khiến cho họ được an lành? Đó là nước pháp trí tuệ có trí thù thắng của hết thủy chư Phật. Sinh ra các đức, ôm chứa các đức, ví như kho chứa lấy nước trí đó, tưới đỉnh đầu của Bồ-tát, khiến cho hai chướng cấu từ vô thủy đến nay đều hết sạch; công đức tốt lành của tất cả Như Lai đều đã viên mãn. Nay thuyết pháp đó, để nương vào đó mà thú hưởng nhập vào. Vì vậy gọi là Môn.

*Kinh viết: “Nghĩa là nếu lấy ngôi quán đỉnh của thế gian đem thí cho; thì sẽ đắc quả là ngôi vua pháp của ba cõi. Nếu lấy nghĩa vô thượng của xuất thế gian để thí; thì sẽ thỏa mãn được tất cả ý nguyện hiếm có. Nếu lấy pháp vô thượng của xuất thế gian để thí; thì ở nơi tất cả pháp sẽ đạt được tự tại. Nếu lấy tiền bạc, đồ ăn của thế gian để thí, thì sẽ được niềm vui của tất cả thân, lời, tâm ý. An lạc nếu lấy nhiều loại tài pháp để thí; thì có thể khiến cho bố thí Ba-la-mật mau đắc viên mãn.”*

Tán rằng: Từ đây là phần hai; hiển bày pháp môn đã thuyết. Sáu độ viết thành sáu đoạn. Trong bố thí có nêu: 1. Thí ngôi vị; 2. Thí nghĩa; 3. Thí pháp; 4. Thí tiền của; 5. Tổng thí vô úy. Thực ra cả năm thí, mỗi thí đều đắc nhiều quả. Ở trên chỉ nói năm quả tương tự.

Nếu xả bỏ ngôi vị tôn quý mà tu chánh pháp, thì sẽ được thành Phật, làm vua pháp của ba cõi.

Do thí nghĩa thuận với lý, cho nên những sở nguyện trong tương lai sẽ thỏa mãn.

Nhờ thí pháp nên có thể hiểu rõ tất cả Phật Pháp.

Nhờ thí tiền bạc, đồ ăn uống làm cho ba nghiệp được ích lợi đầy đủ, nên tương lai sẽ đạt được niềm vui của ba nghiệp.

Nếu lấy nhiều loại pháp để thí, nghĩa là lấy tài pháp để nhiếp thủ chúng sanh, khiến cho họ không sợ hãi thì gọi là vô úy thí.

Kinh Bồ-đề Tâm nói: “Nguyện thực hành pháp bố thí tiền bạc phải có năm thứ: 1. Chí tâm; 2. Tín tâm; 3. Theo thời; 4. Tự tay mình; 5. Như pháp”.

Như có bài tụng nói: Người cho thù thắng, đầy đủ niềm tin, cung kính đúng lúc, tự tay cho.

Lại có tụng nói: Lợi người thêm hạnh với hữu tình chẳng kể có lực hay không lực; ở tất cả mọi lúc, tất cả sự thí cho, tùy vào khả năng của mình mà thuyết pháp làm lợi ích.

Không nên cho cũng có năm: Tiền phi lý chẳng nên cho, vì tiền đó bất tịnh. Rượu và chất độc không nên cho, vì làm loạn sinh mạng. Lồng, bẫy, lưới máy không nên cho, vì làm náo hại sinh mạng. Dao, gậy, cung tên không nên cho, vì làm hại sinh mạng. Âm nhạc, nữ sắc không nên cho, vì làm hư hoại tịnh tâm.

Thí có năm lợi: 1. Thường gần Hiền thánh; 2. Chúng sinh thích gặp; 3. Hòa nhập vào chúng sinh và được tôn kính; 4. Tiếng tốt vang xa; 5. Làm nhân cho Bồ-đề. Bồ-tát Vô trước nói rằng.

Tu sáu loại ý lạc: 1. Rộng lớn; 2. Lâu dài; 3. Hoan hỷ; 4. Mang ơn; 5. Chí lớn; 6. Thuần thiện. Trong sáu đều đó, khởi lên ba ác ý: 1. Ái trọng; 2. Tùy hỷ; 3. Vui vẻ. Nghe sáu loại đó chỉ cần có thể khởi một niệm tín tâm còn có thể phát sinh vô lượng phước tụ, các nghiệp chướng ác cũng sẽ tiêu diệt; hướng chi là Bồ-tát.

*Kinh viết: “Thọ trì nhiều loại thanh tịnh cấm giới, có thể khiến cho tịnh giới Ba-la-mật đa, mau đắc viên mãn. Đối với tất cả tu học an nhẫn có thể khiến cho an nhẫn Ba-la-mật đa mau được viên mãn. Với tất cả sự việc mọi lúc, tu tập tinh tấn có thể khiến cho tinh tấn Ba-la-mật đa mau được viên mãn. Đối với tất cả cảnh, tu hành tĩn lự, có thể khiến cho tĩn lự Ba-la-mật đa mau được viên mãn. Đối với tất cả pháp thường tu diệu tuệ có thể khiến cho Bát-nhã Ba-la-mật đa, mau được viên mãn”.*

Tán rằng: Ba loại giới pháp đều có thể viên mãn. Cỏ kết thành hạt châu thiên nga mà có khả năng không bị hoại. Ba giới chẳng phải là một, nên gọi là nhiều loại (chủng chủng). Sự sự (mọi chuyện) đều nhẫn nhin được; tất cả mọi lúc đều siêng năng vì không mệt mỏi biếng nhát, ở tất cả cảnh đều có thể tĩn lự không tán loạn tâm. Với tất cả pháp tu huệ đều có thể chọn lựa. Thực hành sáu độ đó thì đắc được sáu quả báo: 1. Phú quý; 2. Đại sinh; 3. Đại bằng hữu quyến thuộc; 4. Đại nghiệp thành tựu. 5; Không dính mắc phiền não; 6. Đạt ngũ minh. Có thể làm những việc nghĩa lợi, như trong luận nhiếp Đại thừa đã nói rõ.

*Kinh viết: “Phật thuyết quán danh pháp môn Bát-nhã lý thú trí tạng pháp như vậy rồi. Nói với kim cang thủ Bồ-tát rằng: Nếu có người nghe được Quán danh thậm thâm lý thú trí tạng pháp môn như vậy; rồi tín giải, thọ trì, đọc tụng, tu tập sẽ mau đạt được đầy đủ các hạnh Bồ-tát, mau chứng vô thượng chánh đẳng Bồ-đề”.*

Tán rằng: Nhờ nghe lục độ mà hạnh Bồ-tát thành tựu. Cầu Bồ-đề

cũng mau chứng đắc.

*Kinh viết: “Bấy giờ, Thế Tôn lại nương vào Trí Ấn của tất cả Như Lai, trì pháp môn bí mật của tất cả Phật. Vì các Bồ-tát mà tuyên thuyết Bát-nhã Ba-la-mật đa nhất thiết Như Lai trú trì trí ấn thậm thâm lý thú kim cang pháp môn”.*

Tán rằng: Đây là đoạn thứ hai nói về Như Lai trí ấn kim cang pháp môn; hiển bày do hai hạnh mà đắc tự thể quả. Về văn gồm ba phần như trên; đây là phần một nêu tên gọi của pháp môn đã nói. Dùng diệu trí ấn

nhậm trì pháp thâm thâm của tất cả Phật thể tính pháp thâm thâm của Phật khó biết, gọi là bí mật. Dùng một trí ẩn nhậm trì pháp của chư Phật; pháp của tất cả Phật đều nhập vào đó, cho nên gọi là nhậm trì. Nay thuyết pháp đó, khiến cho siêng năng lý thú nhập vào, nên gọi là Môn; có thể phá hoại tất cả sinh tử. Thể của trí chắc chắn, cho nên gọi là kim cang.

*Kinh viết: “Nghĩa là nhiếp thọ đủ kim cang thân ẩn của tất cả Như Lai, sẽ chứng pháp thân của tất cả Như Lai. Nếu nhiếp thọ đủ kim cang Ngũ ẩn của tất cả Như Lai, thì sẽ đắc tự tại trong tất cả pháp”.*

Tán rằng: Do ở trong Nhân, thực hành riêng biệt Nhân, Ấn ba nghiệp của Như Lai; nên khi đắc quả, thì đắc quả như kim cang pháp thân.

*Kinh viết: “Nếu nhiếp thọ đủ kim cang tâm ẩn của tất cả Như Lai; thì sẽ đắc tự tại ở tất cả định. Nếu nhiếp thọ đủ kim cang trí ẩn của tất cả Như Lai; thì có thể đắc tối thượng diệu thân ngũ tâm, giống như kim cương không lay động không hư hoại”.*

Tán rằng: Do ở trong Nhân, thực hành đủ ba nghiệp kim cang trí ẩn, khi đắc quả, có thể đắc tối thượng diệu thân ngũ tâm. Nghĩa là như kim cang, không sợ bạn xấu làm lay động, không bị sinh tử phá hoại. Ý nói, thực hành riêng nhân của ba nghiệp thù thắng mà đắc riêng ba quả. Thực hành đủ tất cả thắng nhân của ba nghiệp, chỉ đắc chung một quả. Ba nghiệp cứng chắc như kim cang không thể lay động, hư hoại.

*Kinh viết: “Phật thuyết: Như Lai trí ẩn Bát-nhã lý thú kim cang pháp như vậy rồi; nói cho các kim cang thủ Bồ-tát biết rằng: Nếu có người nghe được trí ẩn thâm thâm lý thú kim cang pháp môn như vậy, rồi tín giải, thọ trì, đọc tụng, tu tập; thì tất cả sự nghiệp đều có thể thành biện, thường hòa hợp với tất cả thắng sự, ý muốn tu hành tất cả thắng trí và các thắng phước nghiệp đều mau viên mãn”.*

Tán rằng: Từ đây là phần ba, ca ngợi đức của kinh này.

Tất cả sự nghiệp đều đắc thành biện nghĩa là các việc đều thiện,

thuận với lý, không có tội.

Thường hòa hợp với tất cả thắng sự là kiếp này, kiếp sau thường hòa hợp tương ứng với thắng sự; những sự việc suy giảm đều lìa xa; những phước tuệ tu hành đều mau viên mãn. Đó là nói về những lợi ích đắc được ở Nhân vị.

*Kinh viết: “Sẽ đắc tối thắng, tịnh thân, ngũ, tâm, như kim cang không thể phá hoại, mau chứng vô thượng chánh đẳng Bồ-đề”.*

Tán rằng: Đây nói về đặc quả vị thù thắng trong tướng lai.

**Kinh viết: “Bấy giờ, Thế Tôn lại nương vào tướng của Như Lai tất cả vô hý luận; vì chư Bồ-tát mà tuyên thuyết Bát-nhã Ba-la-mật đa thậm thâm lý thú. Luân tự pháp môn”.**

Tán rằng: Sáu đoạn kinh trên đã nói về thắng cảnh. Tiếp theo sẽ có sáu đoạn nói về thắng hạnh. Lại chia làm ba phần: Hai đoạn đầu, hiển bày việc nương vào tướng của thuộc tướng đoạn tu. Hai việc tiếp nói về việc nương vào tướng của Quán chiếu đoạn tu. Hai đoạn cuối nói về việc nương vào tướng Nhị pháp biến tu.

Ở hai đoạn đầu, nương tướng của thuộc tướng đoạn tu; trong đó có hai phần: Phần đầu, Ly chư hý luận luân tự pháp môn. Nhờ quán chơn như mà đoạn dứt phân biệt; sau đó nhập vào Quảng đại luân bình đẳng tính môn. Nhờ quán bình đẳng, tu chứng như. Dưới đây là đoạn đầu, mạch văn có ba phần: phần đầu nêu tên pháp môn được thuyết; trong đó lại chia làm hai; phần đầu nói về tướng của Như Lai nương vào; bởi pháp tính chơn như lìa các phân biệt, lìa văn tự lời nói. Vô hý luận chính là nương ở tướng của pháp thân.

Luân tự pháp môn: Luân có hai nghĩa, nghĩa tròn trịa và nghĩa hủy hoại. Do quán chơn như tính vô hý luận, khắp tất cả pháp, cho nên gọi tròn trịa. Nhờ quán ấy cho nên lìa chấp phân biệt. Tất cả chấp trước trong sinh tử, cho nên gọi là hủy hoại. Giải tất cả pháp môn của lý luận đó gọi là luân tự pháp. Giáo có thể giải rõ nên gọi là môn; nhờ nghe giáo đó bèn khởi luân hành. Khởi luân hành rồi, đặc luân quả; đặc luân quả rồi, lại vì người khác mà chuyển, cứ như vậy mà xoay chuyển.

**Kinh viết: “Là vì tất cả pháp không, không có tự tính; nên tất cả pháp vô tướng, lìa các tướng; nên tất cả pháp vô nguyện, không có sở nguyện”.**

Tán rằng: Đây là phần thứ hai; phần chính đã nói; trong đó có bốn: phần đầu là ba cảnh giải thoát môn. Biến kế sở chấp tất cả đều không, viên thành vô tướng, y tha vô nguyện. Lại nữa, ba loại đó đều thông cả ba tính. Với lại chỉ có hai thứ là vọng và chơn. Chơn và vọng đều thông cả ba loại. Chẳng phải ta có gọi là không; lìa mười gọi là vô tướng; không mong cầu gọi là vô nguyện!

**Kinh viết: “Tất cả pháp viễn ly vì vô sở trước. Tất cả pháp tịch tĩnh vì mãi mãi tịch tĩnh”.**

Tán rằng: Đây tức là phần thứ hai; lìa chấp trước, lìa sinh.

**Kinh viết: “Tất cả pháp vô thường, vì tính thường không có. Tất cả pháp vô lạc, vì phi khả lạc. Tất cả pháp vô ngã, vì chẳng tự tại. Tất cả pháp vô tịnh, vì lìa tướng tịnh”.**

Tán rằng: Đây tức là phần ba; lìa bốn chấp điên đảo.

*Kinh viết: “Tất cả pháp bất khả đắc, vì suy tìm tính của nó bất khả đắc. Tất cả pháp bất tư nghì, vì tư nghì tính ấy vô sở hữu. Tất cả pháp vô sở hữu, vì các duyên hòa hợp lại là giả xếp bày. Tất cả pháp vô hý luận, vì bốn tính không tịch lià lời nói. Tất cả pháp bốn tính tịnh, vì Bát-nhã Ba-la-mật đa sâu thăm bốn tính tịnh”.*

Tán rằng: Đây là phần tư, lià các chấp trước. Vì không có cái như sở chấp mà có cái sở đắc. Vì cái tâm tâm tư, lời bàn của ngôn thuyết bất khả tư nghì. Pháp giả xếp bày vì không thực có, vì pháp tính lià lời nói, không hý luận cho nên pháp tính vốn tịnh. Vì thật tướng Bát-nhã bốn tính tịnh. Những cái đó đã là pháp tính; mà các pháp đều theo với bản thể cho nên đều là không.

*Kinh viết: “Phật thuyết Ly chư hý luận Bát-nhã lý thú Luân tự pháp như vậy rồi; nói cho Kim cang thủ Bồ-tát biết rằng; Nếu có người nghe được pháp môn Vô hý luận Bát-nhã lý thú, luân tự này; rồi tín giải, thọ trì, đọc tụng, tu tập thì sẽ đắc vô ngại trí ở tất cả các pháp, mau chứng vô thượng chánh đẳng Bồ-đề”.*

Tán rằng: đây là phần ba; ca ngợi thắng đức của kinh đạt pháp tính không; cho nên đắc vô ngại trí đối với các pháp.

*Kinh viết: “Bấy giờ, Thế Tôn lại nương vào tướng của Như Lai, nhất thiết Như Lai luân nhiếp; vì các Bồ-tát; tuyên thuyết Bát-nhã Ba-la-mật đa, nhập quảng đại luân thậm thâm lý thú bình đẳng tính môn”.*

Tán rằng: Đây là phần thứ hai; nhập quảng đại luân bình đẳng tính môn. Do quán bình đẳng, tu chứng chơn. Trong đó có ba. Đây là phần nêu tên pháp môn được thuyết. Phần trước chỉ nói Luân tự, chưa nói rõ pháp nhiếp. Nay nói các pháp đều nhiếp bởi chơn; tròn đầy, viên mãn, vì lià chấp trước; cái đó đầy khắp, nên gọi là Quảng đại; không có pháp nào mà không nhiếp nên gọi là bình đẳng, bốn thể của các pháp, nên gọi là tính.

*Kinh viết: “Nghĩa là vì nhập Kim cang bình đẳng tính, nên có khả năng nhập Nhất thiết Như Lai tính luân. Vì nhập nghĩa bình đẳng tính, nên có khả năng nhập nhất thiết Bồ-tát tính luân. Vì nhập pháp bình đẳng tính, nên có khả năng nhập Nhất thiết pháp tính luân”.*

Tán rằng: Dưới đây là phần hai, là phần trình bày chính; trong đó có ba phần; phần đầu nói riêng tính luân; phần sau nói chung về tính luân. Trong phần nói riêng tính luân, gồm có ba; phần đầu nói về tính luân của bậc Thánh; phần hai nói về tính luân của pháp; phần ba nói về tính luân của Hữu tình. Trong phần đầu lại có ba; phần đầu nói về tính

luân của Phật. Bốn tính pháp thân có thể phá sinh tử, vì cứng rắn khó bị hư hoại như kim cương. Pháp của Bồ-tát nương theo sở thuyên của giáo để thực hành tu chứng. Nghĩa bình đẳng gọi là Bồ-tát tính. Phật cũng là nghĩa bình đẳng tính. Vì là nghĩa của năng thuyên cứng chắc, nên gọi riêng là kim cương, không gọi là nghĩa. Bồ-tát chứng tới đó, chưa đắc kim cương viên mãn pháp tính; nên chỉ gọi là nghĩa. Hai năng thuyên đó, gọi chung là pháp. Pháp nghĩa là giáo pháp; vì muốn hiển bày thắng pháp nhân quả sở thuyên, nên giáo của năng thuyên đều cùng nhiếp vào với pháp tính luân. Tùy thuận mà nói riêng, thực ra tính cũng đều là chơn.

*Kinh viết: “Nhập uẩn bình đẳng tính, vì có thể nhập vào tất cả uẩn tính luân. Nhập xứ bình đẳng tính, vì có thể nhập vào tất cả xứ tính luân. Nhập giới bình đẳng tính, vì có thể nhập vào tất cả giới tính luân”.*

Tán rằng: Từ đây trở đi là phần hai; nói về pháp tính luân, trong đó có ba: Đầu là biệt pháp; tiếp đến là thông pháp; sau cùng là vị pháp. Trong biệt pháp có bảy, thì đây là ba khóa đầu. Nói riêng về nghĩa là ba thể chơn pháp tính.

*Kinh viết: “Nhập đế bình đẳng tính, có thể nhập vào tất cả Đế tính luân. Nhập duyên khởi bình đẳng tính, có thể nhập vào tất cả Duyên khởi tính luân. Nhập Bảo Bình đẳng tính, có thể nhập vào tất cả Bảo tính luân. Nhập thực bình đẳng tính, vì có thể nhập vào tất cả thực tính luân”.*

Bốn Biệt pháp này: Đế là bốn Đế. Duyên khởi có mười hai. Bảo là ba Bảo, thực đó là bốn thực: Đoạn thực, Xúc thực, Tư thực và Thức thực. Ba tên hương, vị, xúc gọi là Đoạn thực. Xúc đó là xúc số, câu với thức thứ sáu. Tư thực đó là Tư số, tức đệ lục câu. Thức thực đó là thức uẩn tức chỉ đệ bát thức. Tùy duyên mà thuyết bốn nhiếp quy về pháp tính.

*Kinh viết: “Nhập thiện pháp bình đẳng tính, vì có thể nhập tất cả thiện pháp tính luân. Nhập phi thiện pháp bình đẳng tính; vì có thể nhập tất cả phi thiện pháp tính luân. Nhập hữu ký pháp bình đẳng tính, vì có thể nhập tất cả hữu ký pháp tính luân. Nhập vô ký pháp bình đẳng tính, vì có thể nhập vào tất cả pháp vô ký tính luân. Nhập hữu lậu pháp bình đẳng tính, vì có thể nhập tất cả pháp hữu lậu tính luân. Nhập vô lậu pháp bình đẳng tính, vì có thể nhập tất cả pháp vô lậu tính luân. Nhập hữu vi... nhập vô vi... nhập thế gian pháp... nhập xuất thế gian pháp ...”.*

Tán rằng: Đây là phần thứ hai, nói về các thông pháp nhập pháp tính luân; trong đó có năm; nghĩa nó như văn. Năm thông đó ở tại hai loại nhân, pháp.

*Kinh viết: “Nhập dị sinh pháp,... nhập Thanh văn pháp,... nhập Độc giác pháp,... nhập Bồ-tát pháp,.. nhập Như Lai pháp...”*

Tán rằng: Đây là phần thứ ba, nói về các vị pháp nhập vào pháp tính luân; trong đó có năm: Một phàm pháp và bốn Thánh pháp.

*Kinh viết: “Nhập hữu tình bình đẳng tính, vì có thể nhập vào tất cả hữu tình tính Luân”*.

Tán rằng: Đây là phần thứ ba nói về hữu tình nhập bốn tính luân.

*Kinh viết: “Nhập tất cả bình đẳng tính; vì có thể nhập tất cả tính luân”*.

Tán rằng: Đây tức phần thứ hai, nói chung về tính luân. Thánh hay phàm, nhân hay pháp, tất cả đều nhập vào bốn tính luân. Muốn hiển bày tất cả đều quay về nhiếp với Bốn Tánh Quảng Đại Luân.

*Kinh viết: “Phật thuyết nhập Quảng Đại Luân Bát-nhã lý thú bình đẳng tính như vậy rồi, bảo với kim cương thủ Bồ-tát rằng: Nếu có người nghe được luân tính thậm thâm lý thú bình đẳng tính môn như vậy; rồi tín giải, thọ trì, đọc tụng, tu tập; thì có thể khéo ngộ nhập các bình đẳng tính, mau chứng vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề”*.

Tán rằng: Đây là phần thứ ba, ca ngợi thắng đức của kinh. Nhờ nghe pháp môn đó, mà kiếp này, kiếp sau có thể khéo ngộ nhập các bình đẳng tính. Học ngộ, chứng ngộ đều khéo ngộ nhập, cho đến cuối cùng mau đắc Bồ-đề.

*Kinh viết: “Bấy giờ, Thế Tôn lại nương vào tướng của Như Lai, Nhất thiết quảng thọ cúng dường chơn tịnh khí điền; vì các Bồ-tát mà tuyên thuyết Bát-nhã Ba-la-mật đa, nhất thiết cúng dường thậm thâm lý thú vô thượng pháp môn”*.

Tán rằng: Hai đoạn dưới đây nói về Hạnh; hiển bày việc nương

vào tướng quán chiếu tu đoạn. Đoạn đầu là chơn tịnh cúng dường vô thượng pháp môn; do nương vào quán chiếu mà tu cúng dường. Đoạn sau là khéo điều phục được trí tàng pháp môn; do nương quán chiếu trừ những phần hạn. Đây là đoạn đầu, trong đó có ba: đầu nêu ra tên gọi của pháp môn.

Quảng thọ cúng dường chơn tịnh khí điền; là do Phật thực hành đủ các hạnh cúng dường chơn thực, vì có thể thực hành tất cả pháp hạnh chơn thực, nên khi thành Phật, thì tất cả đều đầy đủ; ba nghiệp thuần tịnh, có thể nhận được sự cúng dường rộng lớn của chúng sinh; làm pháp khí chơn thật, làm tịnh điền chơn thật cho các chúng sanh; cho nên gọi là vô thượng. Còn các nhị thừa, tuy là ruộng phước chơn thực nhưng chẳng phải vô thượng.

*Kinh viết: “Đó là phát tâm vô thượng Chánh đẳng giác ở nơi các Như Lai, rộng bày cúng dường nhiếp hộ chính pháp. Các Như Lai rộng bày cúng dường, tu hành tất cả Ba-la-mật đa. Ở nơi các Như Lai rộng bày cúng dường, tu hành tất cả Bồ-đề phần pháp. Ở nơi các Như Lai rộng bày cúng dường, tu hành tất cả đẳng trì tổng trì. Ở nơi các Như Lai rộng bày cúng dường, tu hành hết thảy năm nhãn sáu thông. Ở nơi các Như Lai rộng bày cúng dường, tu hành tất cả tinh lự giải thoát. Ở nơi các Như Lai rộng bày cúng dường, tu hành tất cả Từ bi hỷ xả. Ở nơi các Như Lai rộng bày cúng dường, tu hành tất cả pháp bất cộng của Phật. Ở nơi các Như Lai mà rộng bày cúng dường”.*

Tán rằng: Dưới đây là phần chính nói về trong Nhân do thực hành đúng đắn cúng dường, sau này sẽ làm nhân tịnh. Trong ấy có ba: Đầu là tu tập Hạnh, phần tiếp là quán sát Hạnh, phần sau cùng là hành pháp Hạnh. Đây là phần đầu; trong phần này lại có ba: đầu là phát tâm hạnh; thứ là nhiếp hộ hạnh; sau cùng là tu tập hạnh. Trong mọi sự cúng dường, lấy pháp cúng dường là tối thắng.

Hội Thiên Vương có nói: “Hai người lia xa vua, giặc không thể xâm nhập kho báu lớn”. Trăm ngàn vạn kiếp khó nghe được pháp nay được nghe, chẳng trì, chẳng thí. Tâm đại Bồ-đề hộ trì chánh pháp; như giáo tu hành, tâm tịch tĩnh; lợi mình lợi người, tâm bình đẳng. Đó chính là chân thật cúng dường Phật.

Đại Bồ-đề tâm, là như Phật đã nói: Các Bồ-tát, khi mới bắt đầu phát tâm, phước đức quả báo của một niệm thấp kém; trăm vạn kiếp nói còn không hết, huống nữa là trải qua nhiều kiếp! Thí như Biển lớn, khi mới bắt đầu khởi dần dần dâng lên, thì đã làm nơi chốn của vô số châu báu, vì tất cả châu báu đều do biển sanh ra. Ba ngàn đại thiên thế giới khi mới bắt đầu khởi, liền làm nơi y chỉ của tất cả chúng sanh hai mươi lăm Hữu. Bồ-tát phát tâm cũng lại như vậy. Khi mới bắt đầu khởi đã làm nơi y chỉ cho tất cả vô lượng chúng sanh. Bồ-tát phát tâm, lấy từ bi làm đầu. Ví như hư không, không nơi nào là không bao phủ. Hư không vô lượng, cho nên chúng sanh cũng vô lượng. Chúng sanh vô lượng, cho nên Bồ-tát phát tâm cũng lại như vậy. Vì như vậy mới có thể che chở cho tất cả chúng sanh trong tất cả thế giới.

Bồ-tát thân cận thiện tri thức, cúng dường chư Phật, tu tập thiện căn, chí cầu thắng pháp, tâm thường nhu hòa gặp khổ nhẫn được, từ bi thuần hậu, thâm tâm bình đẳng, tín lạc Đại thừa, cầu Phật trí tuệ. Người nào có đủ mười pháp như vậy, mới có thể phát tâm vô thượng Chánh đẳng chánh giác. Như kinh rộng nói:

Nhiếp hộ chánh pháp: Nhiếp là nhiếp thọ, nhiếp trì, tức là thắng hộ nhiếp thọ chánh pháp. Hộ là ủng hộ, Hộ niệm; tức là hộ niệm việc chánh pháp phó chúc. Nhiếp thọ; ủng hộ là vì pháp mà làm thành lũy,



không tiếc thân mạng thiết bày cúng dường. Ba-la-mật đa. Dưới đây là hạnh tu tập. Trong ấy có bảy: Tổng trì là Đà la ni, đảnh trì là Tam ma địa. Tịnh lực đó là bốn tịnh lực. Giải thoát đó là tám giải thoát. Từ-bi-hỷ-xả tức bốn vô lượng bất cộng pháp của tất cả Phật là Bồ-tát địa thuyết. Chư Phật Thế Tôn có một trăm bốn mươi bất cộng Phật Pháp: Đó là ba mươi hai; tám mươi tùy hảo; bốn nhất thiết chủng thanh tịnh; mười lực; bốn vô sở úy; ba niệm trú; ba bất hộ; đại bi; vô vong thất pháp; vĩnh hại tập khí và nhất thiết chủng diệu trí của chư Như Lai. Đó gọi là bất cộng pháp của tất cả chư Phật.

Bốn nhất thiết chủng thanh tịnh là:

1. Nhất thiết chủng sở y thanh tịnh, là phiền não, tập khí thô trọng đều vĩnh tận; vả lại ở trong tự thể, đúng như những điều mình muốn; trong thủ, trú, xả, đều tự tại mà trú.

2. Nhất thiết chủng sở duyên thanh tịnh: Đó là với nhiều loại dù hóa hay biến, hay hiển hiện; tất cả sở duyên đều tự tại chuyển.

3. Nhất thiết chủng tâm thanh tịnh: vì lìa vĩnh viễn các tâm thô trọng, nên tất cả thiện căn đều được tích chứa.

4. Nhất thiết chủng trí thanh tịnh: vì lìa vĩnh viễn vô minh thô trọng, vả lại trí biến sở tri và trí vô chướng ngại đều tự tại chuyển.

Ba niệm trú là: Các Như Lai ở trong đêm dài đều có ý muốn như vậy. Phải làm thế nào để các loài hữu tình như thật tùy trú vào trong pháp hạnh không điên đảo Tỳ nại gia mà ta đã khéo thuyết giảng. Như vậy, trong đêm dài, muốn làm vui lòng chứa pháp, khi hóa ngự chúng; nếu những đều mong muốn thành hay không thành đều không sinh ra tạp nhiễm. Ba niệm trú chỉ trình bày sơ lược, vì ba niệm trú đó lại do ba chúng khác nhau. 1. Toàn bộ chánh hạnh; 2. Toàn bộ tà hạnh; 3. Một phần chánh hạnh, một phần tà hạnh. Đức Phật không sanh tâm vui buồn, chỉ sinh tâm đại xả.

Ba bất hộ: Đó là ba nghiệp của Như Lai, thanh tịnh hiện hành.

Tập khí vĩnh tận; nghĩa là tập khí đều đoạn dứt không còn dư sót; nghĩa là chư Như Lai đi đứng nằm ngồi tựa như có phiền não, nhưng những nghiệp đã làm đa phần không có hiện hành.

Nhất thiết chủng diệu trí là tóm chung các pháp vô điên đảo trí. Các Phật Pháp còn lại như đã giải thích trên.

*Kinh viết: “Quán tất cả pháp, thường hay vô thường đều bất khả đắc; đều rộng bày cúng dường với các Như Lai.*

*Quán tất cả pháp lạc hay khổ đều bất khả đắc, đều rộng bày cúng dường với các Như Lai.*

*Quán tất cả pháp ngã hay vô ngã đều bất khả đắc, đều rộng bày cúng dường với các Như Lai.*

*Quán tất cả pháp tịnh hay bất tịnh đều bất khả đắc, rộng bày cúng dường với các Như Lai.”*

Tán rằng: Dưới đây là phần thứ hai quán sát hạnh tướng; trong đó có ba: 1. Hạnh lìa bốn điên đảo; 2. Hạnh ba môn; 3. Hạnh lìa chấp trước sinh diệt. Đó là phần đầu. Dị sinh đa số chấp thân thọ nhận và tâm pháp là tịnh, lạc, ngã, thường. Để phá những thứ đó, nên thuyết lý tứ đế. Đã vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh, thì sẽ khiến chán sinh tử, hưởng cầu nhị thừa. Nhị thừa bèn chấp chơn thực hữu với bốn thứ, vô thường, vô lạc,... kia; đã có phá chấp, lại nương bám vào tiểu quả, không muốn Đại thừa, sau đó Thế Tôn thuyết kinh Đại Bát Niết-bàn, thường lạc ngã tịnh, khiến cho họ xả tiểu quả, hưởng cầu Đại thừa. Họ nghe xong bèn chán ghét xả bỏ, liền đắc Phật quả. Cả hai thứ đó đều là phương tiện dẫn nhiếp, chẳng phải là đạo lý chơn thật; các pháp thực ra chẳng phải những thứ đó; cho nên có thuyết nói: Chư Phật có khi thuyết là ngã, có khi thuyết là phi ngã. Trong thật tướng của các pháp, không có ngã cũng không có phi ngã! Ba cái kia cũng vậy. Nay quán thật tướng để lấy đó thiết lập sự cúng dường; cho nên quán các pháp thường hay vô thường đều bất khả đắc.

*Kinh viết: “Quán tất cả pháp; không hay bất không đều bất khả đắc; lấy đó cúng dường cho các Như Lai.*

*Quán tất cả pháp; hữu tướng hay vô tướng đều bất khả đắc; lấy đó cúng dường cho các Như Lai.*

*Quán tất cả pháp; hữu nguyện hay vô nguyện đều bất khả đắc; lấy đó cúng dường cho các Như Lai.”*

Tán rằng: Đây là phần thứ hai, nói về ba hạnh.

Nếu là nhị thừa; quán khổ là không, tức là hạnh không vô ngã; quán tập, đạo toàn khổ để phần ít là Hạnh vô nguyện; quán diệt để là hạnh vô tướng; thành ra có chuyện yêu ghét. Còn Đại thừa thì quán biến kế sở chấp thực ngã pháp là hạnh không. Quán y tha khởi là hạnh vô nguyện. Quán viên thành thực là hạnh vô tướng. Lại nữa, cả ba đều không; không, vô tướng, vô nguyện đều là để phá những cái chấp vọng tướng, phân biệt ngã, pháp của phàm phu. Cho nên, bất không là cái chấp của phàm; hữu nguyện, hữu tướng cũng đều như vậy! Các hạnh không,... đó đều là môn của phương tiện để thú nhập. Theo lý thì thật tướng chẳng phải không hay bất không, chẳng phải hữu nguyện, hay vô nguyện, hữu tướng hay vô tướng. Nay bởi quán thật tướng cho nên bất khả đắc. Vì suy từ một pháp mà thông đạt tất cả pháp; cho nên luận thuyết nói: gọi đó là tính không vì pháp tính chẳng phải là không, chẳng phải là tính của không, thuần nhược Đa.

*Kinh viết: “Quán tất cả pháp; viễn ly hay không viễn ly đều bất khả đắc, cúng dường cho các Như Lai.*

*Quán tất cả pháp tịch tịnh hay không tịch tịnh đều bất khả đắc,*

***cúng dường cho các Như Lai.***

Tán rằng: Phạm phu vọng tưởng, vui dính với sinh tử, tính không được tịch tịnh; nên có sự bất viễn ly và bất tịch tịnh. Để phá những cái đó, cho nên thuyết là viễn ly và tịch tịnh. Nương vào môn viễn ly và tịch tịnh để phá bệnh đó. Nhờ nhập với chơn, nên gọi là viễn ly và tịch tịnh. Theo thể của thực pháp thì phi viễn, bất diển, phi tịch, bất tịnh. Vì tịch, bất tịch đều là cửa vào, chẳng phải là pháp tính; bởi Thể của thực tướng tuyệt đường danh ngôn; dứt đường tầm tư; cho nên những thứ như viễn ly... đều bất khả đắc.

***Kinh viết: “Với Bát-nhã Ba-la-mật đa: Ghi chép, nghe, thọ trì, đọc, tụng, suy tư, tu tập, vì người khác tuyên thuyết, lưu hành rộng rãi; hoặc tự mình cúng dường; hoặc thí cho người khác cúng dường các Như Lai”.***

Tán rằng: Đây là hạnh thứ ba, hạnh pháp hành.

1. Ghi chép; 2. Nghe; 3. Thọ trì, yêu thích, trân trọng không lìa ở tâm, sinh tử oai nghi, nguyện cùng theo; 4. Đọc; 5. Tụng; 6. Tư duy; 7. Tu tập thực hành; 8. Vì hữu tình tuyên thuyết lưu hành rộng rãi; 9. Tự cúng dường; 10. Thí cho người khác. Mười cái đó gọi là thực hành hạnh pháp hành; đều do chính mình làm, dạy cho người khác tụng vui vẻ tùy hỷ. Trong cúng dường, nói tự mình là để đối lại với thí cho người, nên lại nói là tự; thực ra thì tự cúng dường và dạy người khác ca ngợi tùy hỷ vui vẻ đều cùng đắc cúng dường. Những chuyện thí cho người ghi chép, cho đến dạy cho người, thí cho người sự ca ngợi đều gọi là pháp hạnh gọi là cúng dường vì người thực hành mười pháp hạnh thì phước tụ vô lượng cho nên vô tận; bởi nhiếp người khác không ngừng nghỉ, như trong Luận Trung Biên đã nói.

***Kinh viết: “Phật thuyết chân tịch cúng dường thậm thâm lý thú vô thượng pháp như vậy rồi, bảo cho kim cang thủ Bồ-tát rằng: Nếu có người nghe được pháp môn vô thượng cúng dường Bát-nhã Ba-la-mật lý thú như vậy, rồi tín giải, thọ trì, đọc, tụng, tu tập; thì có thể mau chóng làm viên mãn các Bồ-tát hạnh, mau chứng vô thượng chánh đẳng Bồ-đề”.***

Tán rằng: Đó tức là phần thứ ba, ca ngợi thắng đức của kinh. Lấy pháp cúng dường tức Bồ-tát hạnh, cho nên hạnh Bồ-tát mau viên mãn.

***Kinh viết: “Bấy giờ, Thế Tôn lại nương vào tướng của Như Lai tất cả đều có thể khéo điều phục; vì các Bồ-tát mà tuyên thuyết Bát-nhã Ba-la-mật đa, nhiếp thọ trí mật, điều phục hữu tình thậm thâm lý thú Trí tàng pháp môn”.***

Tán rằng: Nương vào tướng của Quán chiếu tu đoạn. Đây là pháp môn thứ hai, Năng thiện điều phục Trí tàng pháp môn. Nhờ nương vào

Quán chiếu để trừ sự phản hận. Đây là phần tổng quát nói về tên gọi của pháp môn.

Năng thiện điều phục; nghĩa là có khả năng trừ được phản hận, gọi là thiện điều phục.

Nhiếp thọ trí mật điều phục hữu tình; nghĩa là trí quán chiếu vi diệu, gọi là Mật. Trí đó làm kho chứa, có thể nhiếp thọ tất cả công đức của tất cả Phật Pháp, gọi là nhiếp thọ; cũng còn gọi là trí tàng. Nhờ trí tàng đó, mà có thể trừ được sự phản hận của mình và người; nên gọi là điều phục. Môn này tỏ rõ do trí quán chiếu đạt đến bốn tính của pháp, cho nên các pháp ác phản hận đều có thể bị điều phục.

*Kinh viết: “Nghĩa là, tính bình đẳng của tất cả hữu tình chính là tính bình đẳng của sự tức giận”.*

Tính điều phục của tất cả hữu tình, chính là tính điều phục của sự tức giận. Tính chơn pháp của tất cả hữu tình, chính là tính chơn pháp của sự tức giận.

Tính chơn như của tất cả hữu tình, chính là tính chơn như của sự tức giận.

Tính pháp giới của tất cả hữu tình, chính là tính pháp giới của sự tức giận.

Tính Ly sinh của tất cả hữu tình, chính là tính Ly sinh của sự tức giận.

Tính Thực tế của tất cả hữu tình, chính là tính Thực tế của sự tức giận.

Tính Vốn không của tất cả hữu tình, chính là tính Vốn không của sự tức giận.

Tính Vô tướng của tất cả hữu tình, chính là tính Vô tướng của sự tức giận.

Tính Vô nguyện của tất cả hữu tình, chính là tính Vô nguyện của sự tức giận.

Tính Viễn ly của tất cả hữu tình, chính là tính Viễn ly của sự tức giận.

Tính tịch tịnh của tất cả hữu tình, chính là tính tịch tịnh của sự tức giận.

Tính Bất khả đắc của tất cả hữu tình, chính là tính Bất khả đắc của sự tức giận.

Tính vô sở hữu của tất cả hữu tình, chính là tính vô sở hữu của sự tức giận.

Tính nan tư nghì của tất cả hữu tình, chính là tính nan tư nghì của sự tức giận.

Tính vô hý luận của tất cả hữu tình, chính là tính vô hý luận của sự tức giận.

Tính như kim cang của tất cả hữu tình, chính là tính như kim cang của sự tức giận.

Tán rằng: Cả đoạn này gồm hai phần: Phần đầu nói về mười bảy thực tướng tức thực tướng của tức giận; phần sau giải thích nguyên do. Đây là phần đầu; phần này chia làm năm:

1. Lấy ba loại thực tướng bất nhị, trừ đoạn vô biến. Ở ngay sự tức giận. Khi người ta tức giận thì mình phải tác niệm như thế này: Pháp đã là bình đẳng, sao lại có sự sân giận? Pháp đã là lìa nhiễm, tức giận làm sao điều ta. Pháp đã là vô biến, tính tức giận cũng vậy; thì cần gì mà phân biệt! Thấy người ta nổi giận mà khởi lên giận hờn làm gì! Quán như vậy rồi, thì trừ diệt được tất cả Hoặc.

2. Lấy bốn loại thực tướng: Thuộc thường, đức tính, diệt phá, chân

cảnh để ngay ở sự tức giận.

3. Lấy ba loại thực tướng: Phi hữu, ly tướng, bất cầu, để ngay ở sự tức giận.

4. Lấy hai loại thực tướng: Đoạn nhiễm pháp, ly sinh để ngay ở sự tức giận.

5. Lấy năm loại thực tướng: Vô đắc, hư ngụy, thâm diệu, ly ngôn, kiên thật, để ngay nơi sự tức giận.

Mỗi mỗi phối hợp theo thứ tự đó. Những pháp môn đó đã giải thích ở trên kia rồi; cho nên ở đây không giải thích. Trong các phiền não sân nhuế là nặng nhất; cho nên ở đây mới đặc biệt nêu ra; thực ra nó thông với tất cả các nhiễm khác.

Lấy sự tức giận để ngay nơi chơn, thì gốc biết hết nhiễm. Khi hữu tình khởi lên sự tức giận, thì bốn tính của sự tức giận chính là bốn tính của hữu tình. Bốn tính của người và pháp đều là thực tướng, vì không chia hai; đã biết vậy rồi thì không thấy tức giận; cho nên không còn sinh những lỗi lầm của phiền não!

*Kinh viết: “Vì sao? Vì tính chơn điều phục của tất cả hữu tình chính là vô thượng chính đẳng Bồ-đề; cũng là Bát-nhã Ba-la-mật đà; cũng là trí nhất thiết trí của chư Phật”.*

Tán rằng: Dưới đây là phần hai giải thích nguyên do. Vì hữu tình bốn tính điều phục, thực tướng tức là pháp thân vô thượng chính đẳng Bồ-đề. Thực tướng vốn tính Bồ-đề nói ở đây cũng là pháp tính và pháp tướng của năng quán quán chiếu Bát-nhã; thể của chúng không khác; ví như dao và sự sắc bén của dao, thể của chúng không khác. Do đó mới biết, bốn tính của tức giận cũng là trí Nhất thiết trí của chư Phật. Có nhiều giải thích về chơn trí và tục trí.

Giải thích thứ hai là Nhất thiết trí là Phật, trí là cái trí mà Phật thành tựu. Bốn tính Bát-nhã đó, tức là trí của Phật. Vì sự tức giận chính là chơn như, cũng chính là trí của Phật; cho nên tính của phiền não tức là giác phần vì không còn gì khác! Lại nữa, giác trí là phiền não cho nên vĩnh viễn không khởi lên, pháp tính vốn giống nhau vì cái dụng không khác. Lại nữa, tính điều phục tức là thực tướng. Bồ-đề cũng là thực tướng. Bát-nhã cũng là bốn tính của trí chư Phật. Bốn tính gọi là trí, vì là gốc của trí. Bốn tên gọi tuy có khác nhau, nhưng thể của chúng là một, cho nên tương tức. Trí và trí xứ đều gọi là Bát-nhã, vì ý nghĩa của chúng giống nhau.

*Kinh viết: “Phật thuyết, năng thiện điều phục, thậm thâm lý thú trí tàng pháp môn như vậy, rồi bảo cho kim cang thủ Bồ-tát biết rằng:*

***Nếu có người nghe được pháp môn điều phục Bát-nhã lý thứ trí tàng như vậy rồi, tín giả, thọ trì, đọc tụng, tu tập; thì có thể tự mình điều phục những lỗi lầm của tức giận; và cũng có thể điều phục cho hết thấy hữu tình”.***

Tán rằng: Đây là phần thứ ba ca tụng thắng đức của kinh. Những tạp nhiễm đó mất đi sự tức giận, nghĩa là thông suốt các nhiễm vậy.

***Kinh viết: “Thường sinh cõi lành, nhận được các diệu lạc, kể oán địch trong kiếp này đều khởi từ tâm”.***

Tán rằng: Đây là phần hai thắng quả ở thế gian. Sự tức giận chỉ khởi từ bất thiện tất đưa đến khổ. Nay lìa các tức giận, cho nên được sinh vào cõi lành, thọ nhận quả thắng lạc, do không có sự tức giận. Vì không bức bội với người khác, cho nên oan gia kiếp này cùng nhau từ tâm.

***Kinh viết: “Khéo tu hành các hạnh Bồ-tát, mau chứng vô thượng chánh đẳng Bồ-đề”.***

Tán rằng: Đây là quả thắng thiện của xuất thế.

***Kinh viết: “Bấy giờ, Thế Tôn lại nương vào tướng của Như Lai; tất cả có thể khéo kiến lập tính bình đẳng pháp, vì các Bồ-tát mà tuyên thuyết Bát-nhã Ba-la-mật đa Nhất thiết pháp tính thậm thâm lý thú tối thắng pháp môn”.***

Tán rằng: Trong phần nói về Hạnh, tổng cộng có sáu đoạn. Hai đoạn cuối cùng dưới đây, nói về việc nương vào tướng của hai pháp biến tu. Đoạn này nói về tính bình đẳng tính tối thắng pháp môn; vì tu quán thật tướng nhân pháp bình đẳng đều đầy khắp. Đoạn sau nói về hữu tình trí trì thắng tạng pháp môn; bởi tu quán quán chiếu biến khắp các nhân pháp đều là thiện duyên.

Trong đó có ba, đây là phần thứ nhất, nêu tổng quát tên gọi của pháp môn; có thể khéo léo kiến lập tính bình đẳng pháp nghĩa là tính bình đẳng pháp đó là chơn như biến khắp cả với nhân pháp, gọi là tính bình đẳng. Tính chơn thực đó không thể diễn bày bằng ngôn từ phân biệt; nay lại diễn bày thành tính bình đẳng pháp, nên gọi là kiến lập. Pháp tính chơn thực, nên gọi là tối thắng pháp; khiến thú nhập nên gọi là môn.

***Kinh viết: “Nghĩa là tất cả hữu tình, tính bình đẳng, nên Bát-nhã Ba-la-mật đa thậm thâm cũng tính bình đẳng.***

***Tất cả pháp, tính bình đẳng; nên Bát-nhã Ba-la-mật đa thậm thâm, cũng là tính bình đẳng.***

***Tất cả hữu tình tính điều phục, nên Bát-nhã Ba-la-mật đa thậm***

*thâm, cũng tính điều phục.*

*Tất cả pháp, tính điều phục, nên Bát-nhã Ba-la-mật đa thâm thâm, cũng tính điều phục.*

*Tất cả hữu tình, có thật nghĩa, nên Bát-nhã Ba-la-mật đa thâm thâm, có thật nghĩa; nên Bát-nhã Ba-la-mật đa thâm thâm, cũng có thật nghĩa.*

*Tất cả pháp, có thật nghĩa, nên Bát-nhã Ba-la-mật đa thâm thâm, cũng có thật nghĩa”.*

Tán rằng: Dưới đây là phần chánh thứ hai gồm sáu phần: Phần thứ nhất, lấy ba thứ nhân pháp biến mãn là Ly, nhiễm, chơn lý Bát-nhã, đều giống pháp môn trước. Tên gọi phần thứ ba pháp môn trước là Vô biến; đây gọi là chơn lý; nghĩa là trước gọi chơn pháp, đây gọi là thật nghĩa. Thế và xuất thế gian đều chẳng quá hai loại; một là hữu tình, hai là pháp ngộ, hai loại này tức là trí của Bát-nhã Ba-la-mật đa quán chiếu. Bốn tính của hai loại tức thành thật tướng Bát-nhã Ba-la-mật đa, cho nên đều tương tức.

*Kinh viết: “Bởi tất cả hữu tình tức chơn như; cho nên Bát-nhã Ba-la-mật đa thâm thâm cũng tức chơn như.*

*Tất cả pháp tức chơn như; nên Bát-nhã Ba-la-mật đa thâm thâm cũng tức chơn như.*

*Tất cả hữu tình tức pháp giới; nên Bát-nhã Ba-la-mật đa thâm thâm cũng tức pháp giới.*

*Tất cả pháp tức pháp giới; nên Bát-nhã Ba-la-mật đa thâm thâm cũng tức pháp giới.*

*Tất cả hữu tình tức pháp tính; nên Bát-nhã Ba-la-mật đa thâm thâm cũng tức pháp tính.*

*Tất cả pháp tức pháp tính; nên Bát-nhã Ba-la-mật đa thâm thâm cũng tức pháp tính.*

*Tất cả hữu tình tức thật tế; nên Bát-nhã Ba-la-mật đa thâm thâm cũng tức thực tế”.*

Tán rằng: Thứ hai là lấy bốn loại thật thường, đức tính, pháp thể, chơn cảnh của nhân và pháp dĩ tức Bát-nhã.

*Kinh viết: “Tất cả hữu tình tức bốn không; nên Bát-nhã Ba-la-mật đa thâm thâm cũng tức bốn không.*

*Tất cả pháp tức bốn không; nên Bát-nhã Ba-la-mật đa thâm thâm cũng tức bốn không.*

*Tất cả hữu tình tức vô tướng; nên Bát-nhã Ba-la-mật đa thâm thâm cũng tức vô tướng.*





***Tất cả pháp tức vô tướng; nên Bát-nhã Ba-la-mật đa thậm thâm cũng tức vô tướng.***

***Tất cả hữu tình tức vô nguyện; nên Bát-nhã Ba-la-mật đa thậm thâm cũng tức vô nguyện.***

***Tất cả pháp tức vô nguyện; nên Bát-nhã Ba-la-mật đa thậm thâm cũng tức vô nguyện”.***

Tán rằng: Thứ ba là lấy ba thứ: Phi hữu, ly tướng, bất cầu của người và pháp để tức Bát-nhã.

***Kinh viết: “Tất cả hữu tình tức viễn ly; nên Bát-nhã Ba-la-mật đa thậm thâm cũng tức viễn ly.***

***Tất cả pháp tức viễn ly; nên Bát-nhã Ba-la-mật đa thậm thâm cũng tức viễn ly.***

***Tất cả hữu tình tức tịch tĩnh; nên Bát-nhã Ba-la-mật đa thậm thâm cũng tức tịch tĩnh.***

***Tất cả pháp tức tịch tĩnh; nên Bát-nhã Ba-la-mật đa thậm thâm cũng tức tịch tĩnh”.***

Tán rằng: Thứ tư là lấy hai thứ: Ly nhiễm, ly sinh của nhân pháp để tức Bát-nhã.

***Kinh viết: “Tất cả hữu tình bất khả đắc; nên Bát-nhã Ba-la-mật đa thậm thâm cũng bất khả đắc.***

***Tất cả pháp bất khả đắc; nên Bát-nhã Ba-la-mật đa thậm thâm cũng bất khả đắc.***

***Tất cả hữu tình vô sở hữu; nên Bát-nhã Ba-la-mật đa thậm thâm cũng vô sở hữu.***

***Tất cả pháp vô sở hữu; nên Bát-nhã Ba-la-mật đa thậm thâm cũng vô sở hữu.***

***Tất cả hữu tình bất tư nghi; nên Bát-nhã Ba-la-mật đa thậm thâm cũng bất tư nghi.***

***Tất cả pháp bất tư nghi; nên Bát-nhã Ba-la-mật đa thậm thâm cũng bất tư nghi.***

***Tất cả hữu tình vô hý luận; nên Bát-nhã Ba-la-mật đa thậm thâm cũng vô hý luận.***

***Tất cả pháp vô hý luận; nên Bát-nhã Ba-la-mật đa thậm thâm cũng vô hý luận”.***

Tán rằng: Thứ năm là lấy bốn thứ: Vô đắc, hư ngụy, thâm diệu, ly ngôn của người và pháp để tức Bát-nhã.

Kinh viết: “Tất cả hữu tình vô biên tế, nên Bát-nhã Ba-la-mật đa thậm thâm cũng vô biên tế.

Tất cả pháp vô biên tế, cho nên Bát-nhã Ba-la-mật đa thậm thâm cũng vô biên tế.

Tất cả hữu tình có nghiệp dụng, cho nên phải biết Bát-nhã Ba-la- mật đa thậm thâm cũng có nghiệp dụng”.

Tán rằng: Thứ sáu lấy hai loại: Quảng đại và tác dụng của Nhân và pháp để tức với Bát-nhã. Vì trí quảng đại của cảnh cũng như vậy, cảnh có đủ nghiệp dụng lưu chuyển; Bát-nhã cũng có tác dụng đoạn trừ khi quán chiếu cảnh giới.

*Kinh viết: “Phật thuyết tính bình đẳng, tính thậm thâm lý thú tối thắng pháp như vậy rồi; bảo với kim cang thủ Bồ-tát rằng: Nếu có người nghe được pháp môn bình đẳng Bát-nhã lý thú tối thắng như vậy; rồi tín giải, thọ trì, đọc, tụng, tu tập; thì có thể thông đạt bình đẳng pháp tính thậm thâm Bát-nhã Ba-la-mật đa”.*

Tán rằng: Phần thứ ba ca ngợi Đức.

Tính Bình đẳng, tánh nghĩa là chơn như thực tướng, thể tính bình đẳng; là bốn tính của Nhân và pháp; cho nên gọi là tính Bình đẳng tính, tức có thể thông đạt được bình đẳng pháp tính do nghe, tu... nhờ lực oai thần của tính bình đẳng đó, cho nên có thể thông đạt pháp tính bình đẳng.

Pháp tính bình đẳng tức Bát-nhã Ba-la-mật đa thâm sâu. Nghĩa thâm sâu của Bát-nhã Ba-la-mật đa gồm hai loại. Một là thực tướng, hai là Quán chiếu. Nay đạt thật tướng là nhờ quán Bốn tính biến khắp cả nhân và pháp, những sở tức Bát-nhã thâm sâu ở trên chính là quán chiếu. Nếu không vậy, thì thực tướng Bát-nhã sao cũng có nghiệp dụng.

*Kinh viết: “Với các hữu tình, tâm không quá ngại, mau chứng vô thượng chính đẳng Bồ-đề”.*

Tán rằng: Sở y pháp tính năng thông đạt, Lý của năng y nhân pháp cũng vô ngại.

Quái là chướng, Ngại là câu ngại. Thông đạt người và pháp cũng không có chướng ngại. Vì sở y đạt, cho nên năng y cũng đạt.

*Kinh viết: “Bấy giờ, Thế Tôn lại nương vào tướng của Như Lai, tất cả trú trì tàng pháp. Vì chư Bồ-tát mà tuyên thuyết Bát-nhã Ba-la- mật đa Nhất thiết hữu tình trú trì Biến mãn thậm thâm lý thú thắng tàng pháp môn”.*

Tán rằng: Đây là đoạn thứ hai, Hữu tình trú trì thắng tạng pháp môn. Nhờ tu quán chiếu biến khắp các nhân pháp đều là thiện duyên. Trong văn kinh có ba, đây là phần thứ nhất; nêu tên gọi của pháp môn đã nói; trong đó lại có hai phần: phần đầu nói nương vào tướng; phần

sau nói về tên gọi của nó.

Trú nghĩa là trú chỉ, là Như Lai tạng, mà hữu tình từ vô thủy đều nương vào đó trú. Hoặc cái đó trước tiên trú trong các hữu tình. Trì nghĩa là trú trì, là Như Lai tạng trú trì hữu tình. Vì hữu tình vốn cũng có thể trú trì tất cả chủng tử của Phật Pháp. Tạng pháp nghĩa là Như Lai tạng, tức trong vô vi hàm chứa vô biên Phật công đức, cho nên gọi là tạng.

Nhất thiết Hữu tình trú trì biến mãn; nghĩa là Như Lai tạng đầy khắp, thân tâm của hữu tình nương trụ vào đó, có thể trì giữ tất cả công đức của pháp Phật; đó tức là kho báu của tất cả sự thù thắng, thuyên giải giáo pháp đó, gọi là pháp môn. Nghĩa của Như Lai tạng là tên gọi căn bản, cho nên không nói các kim cang tạng khác.

*Kinh viết: “Nghĩa là tất cả hữu tình đều là Như Lai tạng Phổ Hiền Bồ-tát, tự thể biến khắp”.*

Tán rằng: Dưới đây là phần chính thứ hai; trong đó có bốn phần; đây là phần thứ nhất.

Tất cả hữu tình đều là Như Lai tạng: Như Lai tạng tức tên gọi của chơn như tại triền. Khi ra khỏi sự vây bọc gọi là pháp thân. Tạng nghĩa là kho tàng, kho chứa. Tất cả công đức có được của chư Phật đều ở trong đó, gọi là Như Lai tạng. Vì công đức hiện hành chưa có thể khởi được, cho nên không gọi là pháp thân. Vả lại, chơn tính chính thật trong Như Lai tạng tại triền (Như Lai đang bị vây bọc) gọi là Như Lai tạng. Tất cả chúng sanh đều có chơn lý, cho nên kinh Thắng Mạn có nói: “Ôi sinh tử là Như Lai tạng!”

Phổ Hiền Bồ-tát tự thể biến khắp: Hiền, nghĩa là hiền thiện, Thể biến khắp ba nghiệp vì tất cả đều hiền thiện, cho nên gọi là Phổ Hiền. Bồ-tát chứng được cái lý hiền thiện phổ khắp này. Lại nữa, tự thể của nó phổ khắp đều hiện tiền. Các pháp ba nghiệp, tất cả đều hiền. Do chơn lý sở chứng của Bồ-tát và các pháp tự thể hữu vi năng chứng. Tất cả đều thuận, đều cùng hiền thiện. Lại nữa, do tính thể đó biến khắp ba nghiệp, có thể làm cho ba nghiệp đều hiền thiện, cho nên gọi là Phổ Hiền. Thế nhưng, nay vì bốn tính phổ hiền của Bồ-tát, tức là Như Lai tạng; cho nên nói tự thể của Phổ Hiền Bồ-tát biến khắp thể của hữu tình. Hữu tình đều là Như Lai tạng. Bồ dụng, hiển bày thể gọi là phổ hiền biến khắp.

*Kinh viết: “Tất cả Hữu tình đều là Kim Cang tạng; vì được kim cang tạng tươi rửa”.*

Tán rằng: Đây là phần thứ hai; tất cả Hữu tình đều Kim cang tạng tức Như Lai tạng, cứng rắn khó hư hoại, có cái đức phá tan sinh tử, gọi

là Kim Cang tạng. Bồ-tát Kim Cang tạng có thể chứng được Lý Kim Cang tạng đó; cũng có thể thu được trí Kim Cang tạng, nên gọi là Kim Cang tạng. Thế nhưng, nay thì cả bản thể của tất cả hữu tình đều là Kim Cang tạng, tất nhiên lấy giáo lý Bát-nhã Kim Cang tạng tưới rửa thân tâm thì sẽ được sự cứng chắc, phá tan được pháp sinh tử kiên cố; vì thế mà biết hữu tình đều là Kim Cang tạng. Tưới có nghĩa nhập vào thân tâm. Rửa là phá nghiệp sinh tử; vì khi được tưới rửa dần dần bởi giáo lý Kim Cang tạng đó thì phá được sinh tử.

*Kinh viết: “Tất cả hữu tình đều là chánh pháp tạng; vì tất cả đều theo chánh ngữ mà chuyển”.*

Tán rằng: Đây là phần thứ ba.

“Tất cả hữu tình đều là chánh pháp tạng: Chánh pháp tức là chơn giáo Bát-nhã, Tạng là kho chứa; Tất cả hữu tình đều là kho chứa của chánh pháp.

Vì các hữu tình đều có thể tùy thuận chánh ngữ mà chuyển: Chánh ngữ là lời nói thuận lý; tức là khế kinh. Nghĩa là các hữu tình đều có thể tùy thuận theo chánh ngữ mà chuyển. Chuyển là chuyển động. Có thể thực hành theo pháp Thánh giáo chánh ngữ mà đắc pháp kiên thật. Tính và tướng của hữu tình gộp lại gọi là hữu tình. Từ các hữu tình mà phát khởi chánh ngữ, cho nên các hữu tình gọi là Chánh pháp tạng”.

*Kinh viết: “Tất cả hữu tình đều là Diệu Nghiệp tạng; là nơi nương tựa hạnh tất cả sự nghiệp”.*

Tán rằng: Đây là phần bốn; Tất cả hữu tình đều là Diệu Nghiệp tạng. Diệu nghiệp tức là tất cả các thiện ba nghiệp tạng của Bồ-tát. Nghĩa giống với trên. Tất cả hữu tình đều là kho chứa diệu nghiệp của Bồ-tát. Bồ-tát muốn khởi các sự nghiệp lành, đều là vì hữu tình, hoặc vì chúng bốn tính hữu tình kia; hoặc vì muốn nhổ bỏ khổ não sinh tử của họ mà phát khởi gia hạnh, cho nên, hữu tình là nơi nương tựa của gia hạnh. Chỗ nương tựa tức là tạng; vì từ hữu tình mà khởi diệu nghiệp. Bốn loại kể trên: Thứ nhất là pháp thể bàn xét bốn tạng. Thứ hai là pháp dụng phá sinh tử. Thứ ba là giáo nương vào gốc bốn gốc vô đảo. Thứ tư là đức nương vào, căn bản của đức. Nếu không hiểu được thì sẽ có sự trái ngược với những điều đó!

*Kinh viết: “Phật thuyết pháp về hữu tình trú trì thậm thâm lý thú thắng tạng như vậy rồi; bảo với Kim Cang tử Bồ-tát rằng: Nếu có người đã nghe được pháp môn Biến mãn Bát-nhã lý thú thắng tạng như vậy rồi; mà tín giải, thọ trì, đọc, tụng, tu tập; thì có thể thông đạt thắng tạng pháp tính, mau chứng vô thượng chánh đẳng Bồ-đề!”*

Tán rằng: Từ đây trở xuống là phần ba, ca ngợi thắng đức của kinh.

Thắng tạng pháp tính là bốn loại thắng tạng của Như Lai tạng, là bốn tính của pháp; nhờ nay đã nghe được, nên sau này thông đạt.

*Kinh viết: “Bấy giờ, Thế Tôn lại nương vào tướng của Như Lai, pháp cứu cánh vô biên tế, vì các Bồ-tát mà tuyên thuyết Bát-nhã Ba-la-mật đa cứu cánh trú trì pháp nghĩa bình đẳng kim cang pháp môn”.*

Tán rằng: Dưới đây là hai đoạn của phần thứ ba, nói về thực hành đắc quả. Trong đó chia làm hai: đoạn đầu là vô biên vô tế cứu cánh pháp môn. Khi đắc quả thứ hai, là một vị sâu rộng cực kỳ thù thắng. Cho nên là đức của quả lợi mình. Đoạn sau là thậm thâm lý thú vô thượng pháp môn. Đã đắc quả thứ hai rồi tự lợi lợi tha, làm chúa của ba cõi, sẽ tùy theo các điều mong nguyện của hữu tình đó là đức của quả lợi người. Đây chính là đoạn đầu.

Văn trong đoạn đầu này phân làm ba phần; đây là phần thứ nhất; nêu tổng quát tên hiệu của pháp môn được thuyết. Trong phần này lại có hai; đầu nói về chỗ nương; sau nói về tên hiệu đó. Cứu cánh là tối thắng nghĩa, đệ nhất nghĩa, vô thượng nghĩa, cùng cực nghĩa.

Vô biên là rộng, vô tế là sâu.

Ý nói: Thân Phật tối thắng, là pháp sâu rộng.

Cứu cánh trú trì pháp nghĩa bình đẳng: cứu cánh như giải thích trên. Trú là nương ở. Trì là trú trì. Pháp là giáo lý văn tự của năng thuyết. Nghĩa: Ý nghĩa lý thú sở thuyết. Bình đẳng là tương tự nghĩa không khác nghĩa. Kim cang là nghĩa chắc chắn, cứng rắn, nghĩa có thể phá những cái khác. Đó là nơi y chỉ tối thắng, gìn giữ giáo lý bất di, phá tan sinh tử. Pháp môn là pháp và nghĩa đều có thể vô bờ bến.

Lại nữa, cứu cánh trú trì; là trú trì tất cả các Phật Pháp. Pháp và nghĩa bình đẳng, cùng thuận với nhau không hai. Kim cang pháp là pháp môn chắc thật có khả năng phá sinh tử.

*Kinh viết: “Thậm thâm Bát-nhã Ba-la-mật đa vô biên; cho nên tất cả Như Lai cũng vô biên”.*

Tán rằng: Dưới đây là phần chính thứ hai; trình bày điều đã nói. Trong pháp môn tính bình đẳng, tính tối thắng ở trên, nói tất cả hữu tình vô biên; cho nên thậm thâm Bát-nhã cũng vô biên. Bát-nhã đã thông thật tướng, năm thức quán chiếu văn tự, ba thân Như Lai theo đó cũng vô biên. Lý của thật tướng là pháp thân vô biên. Trí của quán chiếu là báo thân vô biên. Nương vào hai loại hóa thân đó mà ứng vật tùy duyên. Tức hiện nghiệp dụng vô biên. Vô biên là rộng lớn khó dò,

tướng tốt các căn, mỗi mỗi đều vô biên, được sinh ra bởi những căn lành vô hạn.

*Kinh viết: “Thậm thậm Bát-nhã Ba-la-mật đa vô tế; cho nên tất cả Như Lai cũng vô tế”.*

Tán rằng: Vô tế là thâm diệu khó biết; đắc được nhờ tu trong ba kiếp nạn. Thâm Bát-nhã gọi là vô tế. Cái thành ba thân đó cũng gọi là vô tế. Hàng nhị thừa, phàm phu, thập địa Bồ-tát không thể biết được.

*Kinh viết: “Thậm thâm Bát-nhã Ba-la-mật đa một vị, cho nên tất cả pháp cũng một vị”.*

Tán rằng: Sự quán chiếu của năng quán và Lý phương tiện của sở quán ngang bằng với năm pháp đều là một vị, cho nên gọi là bình đẳng.

Một vị có nghĩa là một tướng. Đó là nghĩa không có tướng hòa hợp, nghĩa không phân biệt. Lại nữa, một vị nghĩa là cứng rắn, cho nên lia tướng khổ lạc không có mừng lo. Tất cả pháp đó; giáo hay nghĩa đều cũng một vị. Tùy cả hai Bát-nhã không có chương ngại. Kinh Phật Địa nói: “Thí như cõi trời thứ ba mươi ba chưa nhập vào rừng tạp; thì cuối cùng cũng không thọ dụng sự hòa hợp ngã và ngã sở đối với sự hay với thọ”. Nếu nhập vào rừng tạp, thì không phân biệt, tùy ý thọ dụng. Bởi rừng tạp có cái đức như vậy, khiến cho chư Thiên nhập vào rừng đó. Cái quả báo của cõi trời, về sự hay về thọ, không có sự tư duy hòa hợp thọ dụng. Như vậy, Bồ-tát nếu chưa chứng đắc vô sinh pháp nhẫn thì cuối cùng cũng không thể đắc cái tâm bình đẳng, cái xả bình đẳng, chẳng khác gì tất cả Thanh văn Duyên giác. Vì có hai tướng, họ không thể trú vào trí sự thọ dụng hòa hợp một vị. Nếu đã chứng đắc vô sinh pháp nhẫn, làm tan hai tướng, nên đắc bình đẳng tâm; thì khác với Thanh văn Độc giác. Nhờ bình đẳng tâm mà có thể trú xả, thọ dụng hòa hợp trí sự một vị.

Luận có nói: Cõi trời ba mươi ba có một rừng tạp, nơi chư Thiên hòa hợp, do cảm bởi phước lực; khiến cho chúng chư Thiên không ở trong cung điện của rừng đó. Sự khổ và thọ lạc hơn kém khác nhau. Có sự thọ dụng khác nhau giữa ngã và ngã sở. Nếu ở trong rừng đó, sự hay thọ đều không có hơn kém, đều đồng với thượng diệu; không có ngã, ngã sở thọ dụng hòa hợp; nhưng có thể khiến cho bình đẳng hòa hợp thọ dụng, nên gọi là rừng tạp. Đó là bởi mỗi chư Thiên đều tu bình đẳng hòa hợp, sức tăng thượng phước nghiệp; khiến cho bốn thức của các chư Thiên đó biến hiện cùng một xứ, cùng một lúc, cùng một pháp tướng. Bởi tăng thượng lực của rừng tạp đó, khiến cho chuyển thức kia cũng

cùng biến hiện, tuy mỗi vị mỗi thọ dụng nhưng không sai khác. Bồ-tát địa tiên, địa thượng. Sai biệt và không sai biệt cũng lại như vậy. Vì sinh dẫn bởi tướng và vô tướng, chưa đắc vô sinh mà sai biệt. Cho nên kinh đó nói: “Lại ví như nhiều dòng chảy lớn nhỏ khác nhau; khi chưa nhập vào biển lớn thì chỗ nương của mỗi con sông đều có sự khác nhau: nước khác nhau, nước nhiều ít, nước có tăng giảm. . . tùy theo nghiệp của nước đó mà có tác dụng khác nhau, một ít sinh mệnh các loài thủy tộc được nuôi dưỡng. Nếu đã nhập vào biển rồi thì chỗ nương giống nhau, nước không sai biệt, nước không hạn lượng, nước không tăng giảm, và tác dụng thì rộng lớn, nuôi dưỡng sinh mạng rất nhiều loài thủy tộc. Bồ-tát cũng vậy; nếu chưa chứng biển lớn pháp giới thanh tịnh của Như Lai, thì mỗi vị đều có chỗ nương khác nhau. Trí khác nhau, Trí nhiều hay ít, Trí có tăng hay giảm, tùy theo nghiệp của Trí mà việc làm mỗi cái có khác, chỉ làm chỗ nương trú cho một số ít chúng sanh căn lành thành thực. Nếu đã chứng nhập vào biển lớn pháp giới thanh tịnh của Như Lai, thì chỗ nương không còn phân biệt, Trí vô hạn lượng, Trí vô tăng giảm, thọ dụng hòa hợp một vị sự trí, là nơi nương trú của vô lượng chúng sanh thành thực thiện căn. Luận kia còn nói: Chỗ nương khác nhau của nước là Địa phương nơi chốn khác nhau; chỗ nương của Bồ-tát hoàn toàn khác với chỗ nương của Như Lai.

Nước khác nhau là dòng nước trong, đục, đẹp xấu khác nhau; mỗi vị Bồ-tát có mỗi trí khác nhau, do bởi tu mà thành những thắng giải khác nhau. Thí dụ về những pháp còn lại thì cứ theo nghĩa mà biết. Bồ-tát là vậy; cho nên khi tu thành ngôi Phật thì ba thân vạn đức đều chỉ là một vị”.

*Kinh viết: “Thậm thâm Bát-nhã Ba-la-mật đa rốt ráo; cho nên tất cả pháp cũng rốt ráo”.*

Tán rằng: Quán chiếu đó và năm thứ Bát-nhã, cảnh, văn tự, là tối thắng đệ nhất; gọi là cứu cánh; các pháp và nghĩa theo Bát-nhã cũng vậy. Trong đó ý nói: Do nhân vị Bát-nhã, văn tự Bát-nhã, quyền thuộc Bát-nhã, cảnh giới Bát-nhã, vô biên vô tế Bát-nhã là một vị rốt ráo. Hạnh đã thực hành đắc quả ba thân. Nghĩa của pháp đã thuyết ra, tùy theo thân cũng vậy. Bốn tính của các pháp có Bát-nhã sâu xa; bốn tính đã một vị rốt ráo; cho nên pháp cũng vậy.

*Kinh viết: “Phật thuyết về vô biên vô tế cứu cánh lý thú kim cang pháp như vậy rồi; bảo với Kim Cang Thủ Bồ-tát rằng: Nếu có người được nghe cứu cánh Bát-nhã lý thú kim cang pháp môn như vậy; rồi tín giải, thọ trì, đọc, tụng, tu tập; thì tất cả pháp chướng đều được tiêu*



**trừ, chắc chắn đắc được “Như Lai chấp kim cang tính”, mau chứng vô thượng chánh đẳng Bồ-đề”.**

Tán rằng: Đây là pháp thứ ba, ca ngợi thắng đức của kinh. Đã nghe Bát-nhã và tất cả pháp, nghĩa, vô biên tế,... của ba thân Phật thì tất cả pháp chướng đều tiêu trừ, chắc chắn đắc được tính Như Lai chấp kim cang. Nghĩa là lãnh nhận pháp giới chơn như, bốn tính chơn thực, phá được sinh tử, mau chứng vô thượng chánh đẳng Bồ-đề; trong đó có đủ hai thắng đức diệt ác và nhiếp thiện.

*Kinh viết: “Bấy giờ, Thế Tôn lại nương vào tướng của Như Lai Biến chiếu; vì chư Bồ-tát mà tuyên thuyết Bát-nhã Ba-la-mật đa, đắc được pháp tính bí mật của chư Như Lai và tính vô hý luận của tất cả pháp, đại lạc kim cang, bất không thần chú, kim cang pháp môn, đầu, giữa, sau, tối thắng đệ nhất, thậm thâm lý thú vô thượng pháp môn”.*

Tán: Đây là đoạn thứ hai về thậm thâm lý thú vô thượng pháp môn. Đắc nhị quả rồi, lợi mình lợi người, làm chúa ba cõi, đều tùy theo mong nguyện của hữu tình, mà đắc quả lợi người.

Biến chiếu trí là Nhất thiết trí, Nhất thiết chủng trí như tỉnh giấc mộng, như hoa sen nở. Thông đạt các pháp, có thể làm lợi mình và lợi người; gọi là biến chiếu.

Đắc pháp tính bí mật của chư Như Lai:

Đắc là chứng được, nghĩa là pháp môn đó có thể đắc được các bí mật. Đáng quý đáng trọng gọi là Bí. Thâm kín khó biết, gọi là mật tức là tất cả các pháp u tế thù thắng thuộc hữu vi, là Bồ-đề đó!

Tính vô hý luận của tất cả pháp tức là chơn pháp giới, vì lài các danh ngôn và phân biệt.

Đại lạc: là đắc vô lậu lạc. Lạc có năm loại: 1. Nhân lạc; 2. Thọ lạc; 3. Khổ đối trị lạc; 4. Đoạn thọ lạc; 5. Vô não hại lạc. Trong đó còn có bốn: 1. Xuất ly lạc; 2. Viễn ly lạc; 3. Bồ-đề lạc; 4. Niết-bàn lạc. Nay đắc năm lạc đó và bốn lạc sau, cho nên bảo là Đại lạc. Đây khắp pháp giới cũng đều là lạc.

Kim cang có nghĩa là năng phá; vì tất cả pháp chướng đều phá được.

Bất không là hiển bày diệu pháp đó; chẳng phải là rỗng không, không có quả; tất phải có linh nghiệm, Dị quả thù thắng gọi là Bất không.

Thần chú: Thần là thánh đức, lý và sự tự tại. Chú là tổng trì; nghĩa là chư Phật mười phương cùng có Thánh đức, gọi đó là Thần. Nói chung có đủ Thánh đức được tất cả Phật Pháp; thì phá diệt tất cả oán địch trong

sanh tử. Bao gồm các đức, cho nên gọi là Tổng trì; ở đây gọi là chú.

Kim cương pháp tính; Bát-nhã của chư Phật làm chắc thật các pháp, đó là đệ nhất; cho nên gọi là pháp tính.

Trước là pháp môn sở thuyên và Hạnh sở đắc; sau đó là pháp môn năng đắc.

Vị trí đầu, giữa, sau đó là ba bậc thuyết trong kinh này: sơ thuyết, trung thuyết, hậu thuyết. Hoặc phát tâm tu hành ba bậc chứng đắc. Hoặc nghe mà tu hành ba bậc ly dục. Đây là pháp hạnh tối thắng vô nhị, đệ nhất vô thượng. Do pháp môn đó là tối đệ nhất; cho nên chứng được các pháp tính bí mật của Như Lai.

*Kinh viết: “Các Đại tham,... tối thắng thành tựu; khiến cho Đại Bồ-tát đại lạc tối thắng thành tựu”.*

Tán rằng: Dưới đây trở đi là phần chánh thứ hai trình bày những sở thuyết trong văn có hai: Phần đầu thuyết về Bồ-tát hạnh, lợi quả đắc được do các nhân trong thập ác nghiệp đạo. Phần sau thuyết về Đà La Ni. Trong phần đầu có ba lần “Lại nữa”. Trong phần “Lại nữa” đầu có hai phần, phần đầu nói về các lợi quả đắc được do các tham,... trong ác nghiệp đạo làm Nhân. Phần sau nói về các lợi quả đắc được do Bát-nhã trong thiện nghiệp đạo làm nhân. Trong phần nói về tham làm nhân, đầu nói về quả tự lợi; sau nói về quả lợi tha. Trong phần nói về quả tự lợi; do tham làm nhân, dần dần đắc bốn loại quả: 1. Do tham làm nhân, đắc đại lạc; 2. Đại lạc làm nhân, đắc Đại giác; 3. Đại giác làm nhân, đắc khả năng hàng phục được bốn ma; 4. Hàng phục bốn ma làm nhân, đắc tự tại.

Sao nói các “Đại tham, tối thắng thành tựu”, có nghĩa là Bồ-tát ở trong nhân đó, lật ngược sinh tử, thập ác nghiệp đạo, tự thực hành mười ác nghiệp đạo xuất thế:

1. Sát sinh: Chặt đứt dòng trôi chảy sinh tử của chúng sanh; chặt đứt nghĩa là sát.

2. Không cho mà lấy: không có kẻ cho, tự nhiên gom lấy; nghĩa là không có mong cầu khác, tự mình nhiếp lấy sự ích lợi!

3. Dục tà hạnh: Biết rõ dục là tà, mà tu ở chánh hạnh. Như cảnh giới dục hay phân biệt dục, biết thật nó chỉ là tà. Như có tụng nói:

*Phật thuyết tham nhuế Si*

*Đều từ phân biệt khởi*

*Tịnh bất tịnh điên đảo*

*Ấy cũng là duyên sinh!*

Tịnh và bất tịnh điên đảo làm duyên mà có, nghĩa là tự tính kia

đều không có; cho nên hiển bày phi chơn thật.

4. Vọng ngữ: Nếu ở trong vọng, năng thuyết là vọng. Như có tụng nói:

*Tất cả pháp hư vọng pháp  
Thế Tôn như thật thuyết  
Ở trong pháp hư vọng  
Các hành hư vọng nhất*

5. Ly gián ngữ: Bối thú ni là gì? Là thường ở tối thắng không. Nói Bối thắng ni là tên bên ngoài Ly gián ngữ, mật nghĩa hàm ý là tối thắng không. Bối là thắng, Thú là không, Ni là thường. Nay lấy mật nghĩa.

6. Thô ác ngữ: Ba lỗ sớ là gì? Là khéo an trú cái biết bờ bên kia. Ba lỗ sớ đó, tên bên ngoài thô ác ngữ, Mật giải là Trú bờ kia. Bờ kia tức là Nhất thiết trí. Đức Phật khéo an trú trong đó, gọi là Ba lỗ sớ.

7. Ý gián ngữ (lời thêu dệt): Ví như chánh thuyết pháp, phẩm loại khác nhau.

8. Tham dục; Luận nhiếp Đại thừa nói: “Nếu có số số Dục, tự chứng đắc vô thượng tinh lự” Ý đó nói từ tán dẫn sinh, chỉ gọi là tham dục định; đó là khởi Đại tham muốn, muốn vô thượng Bồ-đề. Tham ở sinh tử đi độ thoát hữu tình; gọi là tham dục.

9. Sân nhuế: Nếu với tâm ấy, ghét tất cả phiền não, đã đoạn đã diệt, là ý nghĩa của ghét.

10. Tà kiến: Nếu ở tất cả xứ, tính tà hạnh biến khắp, đều như thật kiến; tức là thấy được tất cả hư vọng, phân biệt tà loạn là tính.

Tuy các Bồ-tát mật hành thập ác nghiệp đạo, nay chỉ đưa ra đại tham thuộc nghiệp ý làm đầu; theo thật thông hạnh thì lấy ba nghiệp làm nhân; nhờ đó mà Bồ-tát tối thắng thành tựu. Thực hành mười nhân đó, cho nên cảm được năm loại lạc trên, hơn cả các vui thú của bậc phàm, cho nên gọi là tối thắng. Lại nữa, Đại lạc nghĩa là năm quả tu, là các tướng, đặc pháp uyển lạc (niềm vui vườn pháp) như trên đã nói.

*Kinh viết: “Đại lạc tối thắng thành tựu, khiến cho Đại Bồ-tát tất cả Như Lai Đại giác tối thắng thành tựu”.*

Tán rằng: Chứng đắc năm lạc, pháp uyển lạc, nên có thể đắc đại giác. Biết mình và biết người, như lý như sự. Bồ-tát vị đắc tất cả Phật nhân, Phật vị, gọi là đắc Đại giác viên mãn.

*Kinh viết: “Tất cả Như Lai, đại giác tối thắng thành tựu; khiến cho Đại Bồ-tát hàng phục tất cả đại ma, tối thắng thành tựu”.*

Tán rằng: Do biết được sự và lý, tà và chính của mình và của người; cho nên có thể chặt đứt vĩnh viễn bốn loại đại ma.

**Kinh viết: “Hàng phục tất cả Đại ma, tối thắng thành tựu, khiến cho Đại Bồ-tát phổ đại ba cõi tự tại tối thắng thành tựu”.**

Tán rằng: Do hàng bốn ma, vượt qua ba cõi, đắc quả ở ngôi tôn quý; cho nên phổ khắp ba cõi, không bị bốn ma sinh tử phá hoại, nên gọi là tự tại. Tự tại gồm mười loại: 1. Thọ tự tại; 2. Tâm tự tại; 3. Chúng cụ tự tại. Ba nhân đó làm cho bố thí Ba-la-mật được viên mãn; 4. Nghiệp tự tại; 5. Sinh tự tại, do giới Ba-la-mật viên mãn; 6. Thắng giải tự tại, do Nhẫn Ba-la-mật viên mãn; 7. Nguyện tự tại, do Tinh tấn Ba-la-mật viên mãn; 8. Thần lực tự tại, do định Ba-la-mật viên mãn; 9. Trí tự tại; 10. Pháp tự tại, do Bát-nhã Ba-la-mật viên mãn. Như quyển thứ chín của Nhiếp luận có nói: Mười tự tại đó, theo tông mà nói, thì gọi là Quả tự lợi. Khi chứng đắc cũng có phân vị, cho nên Phật tự tại rộng khắp ở ba cõi; vì vậy có tụng nói:

*Cõi trời đất này, nhà Đa văn;  
Cung Thế cõi trời mười phương không.  
Trượng phu, ngưu vương, đại Sa-môn,  
Tìm đất do rừng khắp không bằng.*

Cho nên chư Phật Thế Tôn phổ đại khắp ba cõi. Nói tóm lại, được trang nghiêm là nhờ hai loại phước đức và trí tuệ. Pháp giới thanh tịnh đại nên mãn là Đại viên cảnh trí, Bình đẳng tánh trí, Diệu quán sát trí, thành sở tác trí; vì vậy mà tối thắng!

**Kinh viết: “Phổ đại khắp ba cõi, tự tại tối thắng thành tựu; khiến cho Đại Bồ-tát có thể cứu vớt hữu tình không bỏ sót, làm lợi ích an lạc cho tất cả hữu tình; rốt cùng được đại lạc tối thắng thành tựu”.**

Tán rằng: Trước nói tự lợi, sau nói lợi tha; trong đó có hai: Phần đầu nói về tâm đệ nhất quảng đại, hạnh lợi người. Vì sao vậy? Vì phần sau sẽ nói; thường tâm, bất điên đảo tâm, Hạnh lợi người.

“Có thể cứu vớt giới hữu tình không bỏ sót”, tức là tất cả chúng sanh. Chúng sanh bao gồm trứng sanh, thai sanh, ẩm ướt sanh, hóa sanh; hoặc hữu sắc, vô sắc, hữu tưởng, vô tưởng, phi hữu tưởng, phi vô tưởng; tất cả đều được bạt khổ cho vui không có một chúng sinh nào là chẳng phải cảnh của Bi trí; vì vậy mà không bỏ sót. Sót nghĩa là sót lại, rơi lại rơi lạc mất. Dư là thừa lại, vét không hết. Bạt là cứu vớt, cứu vớt các hữu tình, không có một hữu tình nào bị rơi lạc, thừa sót mà không cứu vớt! Ý vui lạc đầy khắp cả ba cõi mười phương, bốn loài năm nẻo; cho nên bảo là Quảng đại tâm.

“Làm lợi ích an lạc, cuối cùng được đại lạc, tối thắng thành tựu”: Lợi ích có mười Lợi, theo Bồ-tát địa nói: 1. Thuần lợi; 2. Cộng lợi, 3.

Lợi ích chủng loại lợi; 4. An lạc chủng loại lợi; 5. Nhân nhiếp lợi; 6. Quả nhiếp lợi; 7. Kiếp này lợi; 8. Kiếp khác lợi; 9. Rốt ráo lợi; 10. Không rốt ráo lợi. An lạc gồm có năm loại, như trên đã nói. Lại nữa, nhiếp thiện cũng gọi là lợi ích. Lìa ác gọi là an lạc, gồm mười đối như giải thích của Duy Thức Sớ. Tất cánh Đại Lạc là Niết-bàn. Kinh Kim Cang nói: “Ta luôn khiến cho nhập vào vô dư Niết-bàn”, đều thông cả ba thừa, nên chỉ nói là Niết-bàn, không nói gì khác. Nay lấy Bồ-đề và niềm vui Niết-bàn, chính là tất cả công đức vô lậu của hữu vi và vô vi; khiến cho các hữu tình đều thuận, thích hợp, không trái ngược. Không có sự bức náo, nên gọi là Đại lạc; tức đệ nhất tâm. Muốn làm cho hữu tình trú vào nơi cực thắng, nên gọi là đệ nhất.

Kinh viết lý do: “Vì sao? Cho đến sinh tử lưu chuyển trú xứ; kẻ có thắng trí ngang với đó thường, lấy pháp không gì bằng, làm lợi ích cho hữu tình, không nhập tịch diệt”.

Tán rằng câu lý do: “Vì sao?”; nguyên do vì sao lại có thể cứu vớt hữu tình không bỏ sót, dẫn đến cõi Niết-bàn.

Câu “cho đến sinh tử lưu chuyển trú xứ là có thể tâm thời vị lai vô hạn, có thể theo thời gian lưu chuyển sinh tử của tất cả hữu tình trong mười phương; thời là thời tiết. Cái chỗ trú ở trong cả thế giới mười phương là ý muốn hiển bày không gian và thời gian rộng lớn.

“Kẻ có thắng trí”; nghĩa là cùng lìa ngã và ngã sở, lìa chấp người và pháp; gọi là kẻ có thắng trí. Hai trí sinh và pháp đều đã viên mãn, tức ý nói tâm không điên đảo, gọi là thắng trí vì lìa hai chấp.

“Ngang bằng đó, thường lấy pháp không gì bằng, làm lợi ích cho hữu tình, không nhập tịch diệt”: Ngang với giới xứ mười phương, ngang với bờ mé vị lai, thời gian của sinh tử; thường lấy loại pháp không có gì bằng, tối thắng đệ nhất đó, làm lợi lạc cho hữu tình, vì hữu tình thì vô hạn, thời gian nhập vào Niết-bàn thì không thể cùng tận; nên kẻ thắng trí, tùy theo các hữu tình mà không nhập tịch diệt. Vì sao vậy? Vì không còn cái chấp về pháp và cái chấp về hữu tình, không có tướng mình và tướng người; làm lợi cho hữu tình thường vô cùng tận. Ví như bậc làm cha mẹ trên thế gian, cứu vớt con cái của chính mình, tâm sinh thương xót, không có các tướng mình và người! Vì không ngại khó nhọc, nên có thể sinh ra ý thương cứu dài lâu. Bồ-tát cũng vậy, nên gọi là thường tâm. Bốn tâm trong Nhân đã viên mãn rồi, vì vậy, đến ngôi Phật thì có thể làm ích lợi cho hữu tình thời hạn vô tận. Thường có thể cứu vớt mười phương pháp giới, đều được độ thoát hết; chính là nhân của bốn loại tâm kim cang đặc bốn quả.

***Kinh viết: “Lại lấy phương tiện thiện xảo của Bát-nhã Ba-la-mật đả, thành lập thắng trí; khéo làm tất cả các sự nghiệp thanh tịnh, có khả năng khiến cho các hữu tình đều đắc thanh tịnh”.***

Tán rằng: Trong “Lại nữa” phần đầu ở trên, từ đoạn “Lấy tham làm nhân mà đắc quả lợi”, đến đây thì lấy Bát-nhã làm nhân mà đắc quả lợi.

Phương tiện: là do sức của trí tuệ, tùy bệnh của hữu tình mà hành; cơ khí ý lạc ứng thời, tức làm các việc hiển hiện như thuyết pháp,... nên gọi là phương tiện. Ví như đi trên đường, gặp người đuổi thỏ, họ hỏi có thấy hay không? Ngồi xuống đáp: tôi thực không thấy, vì tránh sự giết chóc, nên hiện ra tướng ngồi, nói: tôi không thấy. Vì chẳng phải lúc đứng, tôi không thấy! Vậy là không phạm vọng ngôn, mà được việc tránh giết chóc. Bồ-tát cũng vậy; muốn khiến chúng sanh xả nguy nhập chơn; với pháp không có danh tự nhưng lại lấy danh tự để thuyết, thích hợp với sự nặng nhẹ, thời lúc, ứng cơ mà thuyết, khiến họ nhập đạo. Lấy hình tượng để biểu thị cái không hình tượng, lấy lời nói để bày tỏ cái không có lời nói; nó không xứng với chơn, cho nên gọi là phương tiện. Khéo được mục đích, ứng vật theo thời, xử sự khoảng giữa, cũng không mắc lỗi lầm, vì vậy gọi là thiện xảo.

Thành lập thắng trí là nhờ sự thiện xảo đó làm nhân, được quả là thắng trí. Thắng trí chính là gồm cả hai trí phương tiện thiện xảo Ba-la-mật. Sự sai biệt của trí có hai loại: 1. Hồi hướng; 2. Cứu vượt hồi hướng đó. Cuối cùng đều quay về với Nhất thiết trí.

“Khéo làm tất cả các sự nghiệp thanh tịnh”, đó là ba loại gồm: Thần thông, ký tâm (tâm nhớ kiếp trước, biết kiếp sau) và lậu tận. Hai nhân, phước và trí; hai lợi; lợi mình và lợi người; tất cả việc thiện đều khéo làm, khiến cho các hữu tình đều đắc thanh tịnh. Ba hữu, chín hữu, nhân quả đều mất; nhiễm ố sinh tử đều tiêu tan; nên gọi là thanh tịnh; tức tất cả ác đều đã trừ diệt, cái tham làm nhân trước đây, tuy có hai lợi, nhưng cái chính là ở chỗ lợi người. Khởi bốn loại tâm, ở đây lấy Bát-nhã làm nhân để tu thiện, trừ ác. Tâm Bồ-đề gồm có ba loại, thì quả lợi đắc được cũng có ba thứ. Tuy pháp môn trước nói lấy tham làm nhân, nhưng thể chính là Bát-nhã. Nói cách khác, tất cả đều lấy Bát-nhã làm tính. Trên đây là giải thích cho phần “Lại nữa” đầu.

***Kinh viết: “Lại lấy tham để điều phục thế gian, biến khắp lâu dài cho đến lúc chư hữu tình đều thanh tịnh, tự nhiên điều phục”.***

Tán rằng: Dưới đây là giải thích lại phần thứ hai, quả lợi đắc nhờ tham. Trong đó có hai: Phần đầu nói về lợi tha; phần sau nói về tự lợi.

Ở đây là nói về lợi tha.

“Lấy tham để điều phục thế gian”: nghĩa là chư Phật Bồ-tát quán các hữu tình đa phần bị sự keo kiệt che lấp. Tuy có tiền bạc của cải nhưng không tu phước, cũng không biết dùng. Ví như cắt thịt ở thân thì sanh đau tức thống thiết! Bồ-tát biết đó là bởi keo kiệt che lấp, nó làm nhân để tăng trưởng ác nghiệp, nên thường đọa cõi ác, không có kỳ ra; bèn khởi đại tham, gom giữ tài bảo đó. Khiến cho xả bỏ keo kiệt thì không khởi ác nghiệp. Thực ra ở Bồ-tát là trong trí hậu đắc trí, với tâm đại bi, khởi lên tham đó, không phải vì mình hay vì danh lợi, hay để được bà con cung kính. Vì vậy, khởi lên một tham, mà tăng thêm trăm ngàn thiện. Cũng như Thiện Tài khi đi tìm cầu thiện tri thức, gặp một vị vua trói giết, đánh đập vô lượng chúng sinh. Thiện Tài đau lòng không hiểu. Vua nói: Các chúng sinh đó, ngu độn dữ dằn, nếu không khổ sở hoàn toàn không thể điều phục, nên ta làm khổ họ. Thiện Tài mới hiểu. Như vua nước Tiên Dự, giết năm trăm Bà-la-môn, mà lại tăng thêm công đức; ở đây cũng giống vậy. Tất cả nghiệp đạo thập ác, đều suy từ đó mà biết. Cho nên khi khởi tham mà Bồ-tát đại lợi là vậy!

*Kinh viết: “Lại như hoa sen, hình sắc bóng loáng, không bị tất cả vật chướng làm nhiễm. Như vậy, tham mà làm lợi ích cho thế gian, trú quá, hữu quá, thường không thể nhiễm”.*

Tán rằng: Đây là nói về hạnh tự lợi của tham. Tâm của Bồ-tát, khởi lên tham đó, hình sắc sáng bóng, không bị ô nhiễm bởi tất cả vật uế phiền não; cho nên lưu giữ phiền não trợ giúp cho nguyện thọ sinh, tác đại tự tại; lấy tham đó để làm lợi ích cho hữu tình. Giả sử trú vào tâm lầm lỗi phiền não, trú vào tâm thiện vô ký, hữu lậu khác, gọi là hữu quá. Quá nghĩa là lậu, với ba tính đó, trong tất cả thời, đều không thể nhiễm ố. Như hoa sen, tuy từ bùn ra, nhưng không nhơ vì bùn! Tâm của Bồ-tát, cũng lại như vậy!

*Kinh viết: “Lại nữa, Đại tham có thể đắc thanh tịnh, đại lạc, đại tài, ba cõi tự tại, thường vững chắc có thể làm lợi ích cho hữu tình”.*

Tán rằng: Đây tức là phần “Lại nữa” thứ ba, giải thích lại. “Lại nữa, Đại tham”: nghĩa là ngã tham. Tham là ham thích. E sợ thân tạo ác, sẽ đọa sinh tử. Ham thích tự thân tu đạo lìa khổ, cho nên Duy Ma nói: “Thà khởi ngã kiến to như núi Tu-di, chẳng khởi không kiến nhỏ như lông tóc”. Vì tà kiến không thì không có tu đoạn. Nếu tham có ngã, e tăng thêm tiếng xấu, liền tăng thêm tu đạo. Lấy tham làm nhân, thì đắc quả đại lạc, được bảy loại tài sản cõi Thánh, châu báu của pháp giới; làm chúa ba cõi; không bị nhiễm bởi lậu hoặc, đắc mười tự tại. Ở mọi

thời, mọi nơi, mọi sự, kiên cố làm ích lợi cho mọi hữu tình. Hữu tình được ích, tức là cái lợi của Bồ-tát. Trong ba loại đó, do trong nhân xưa hoặc ở quả hiện tại, đã lấy tham làm nhân mà tu tập. Vì vậy, ở quả vị hiện tại đắc quả vô biên. Đầu tiên là thật hạnh, vì ngược với ác; nên thuyết về tương tựa tham. Thứ hai là do sự bức bách của Đại Bi mà thuyết tương tựa tham. Thứ ba là vì cầu lợi kỷ mà thuyết tương tựa tham. Nhưng hạnh chân chánh khởi thì ác nghiệp phiền não sinh tử đều diệt; vì vậy mà các nhiễm tham, tất cả đều mất làm sao khởi được!

*Kinh viết: “Bấy giờ, Như Lai liền thuyết thân chú: Na Mô Bạc Ca Phiệt Để (1), Bát Thích Nhuông Ba La Nhị Đa Duệ (2), Bạc Để Phiệt Sát La Duệ (3), Yểm Bi Lí Nhị Đa Lô Nô Duệ (4), Tát Phuộc Đát Tha Yết Đa Bỏ Lý Bố Thị Đa Duệ (5), Tát Phuộc Yết Tha Đa Nô Nhuông Đa Nô Nhuông Đa Bất Nhuông Đa Duệ (6), Đát Diệt Tha (7), Bát Thích Hê Bát Thích Hê (8), Mô Ha Bát Thích Hê (9), Bát Thích Nhuông Bà Sa Yết Li (10), Bát Thích Nhuông Lộ Ca Yết Lộ (11), An Đạt Ca La Tỳ Đàm Mạt Nê (12), Tát Đệ (13), Tô Tát Đệ (14), Tát Điện Đô Mạn Bạc Ca Phiệt Để (15), Tát Phòng Ca Tôn Đạt Lộ (16), Bạc Để Phiệt Sát Lộ (17), Bát Thích Sa Lý Đa Hát Tát Để (18), Tham Ma Thấp Phuộc Sa Yết Lộ (19), Bội Đà Bội Đà (20), Tát Đà Tát Đà (21), Kiếm Ba Kiếm Ba (22), Chiết La Chiết La (23), Hạt La Phuộc Hạt La Phuộc (24), A Yết Xa A Yết Xa (25), Bạc Ca Phiệt Để (26), Ma Tỳ Lam Bà (27), Sa Ha (28)”. Thân chú này, chư Phật ba đời đều cùng tuyên thuyết, cùng hộ niệm. Người thọ trì được thì tất cả chướng đều diệt; những điều tâm muốn đều được thành biện, mau chứng vô thượng chánh đẳng Bồ-đề.*

*Bấy giờ, Như Lai lại thuyết thân chú:*

*Na Mô Bạc Ca Phiệt Để (1), Bát Thích Nhuông Ba La Nhị Đa Duệ (2), Đát Diệt Tha (3), Mâu Ni Đạt Mê (4), Tăng Yết Lạc Ha Đạt Mê (5), Át Nô Yết Lạc Ha Đạt Mê (6), Tỳ Mục Để Đạt Mê (7), Tát Đạt Nô Yết Lạc Ha Đạt Mê (8), Phệ Thất Lạc Mạt Nô Đạt Mê (9), Tham Mạn Đa Nô Bả Lý Phiệt Thích Đát Na Đạt Mê (10), Lô Nô Tăng Yết Lạc Ha Đạt Mê (11), Tát Phuộc Ca La Bả Lý Ba Thích Na Đạt Mê (12), Sa Ha (13). Thân chú này là mẹ của chư Phật, người năng tụng trì, diệt được tất cả tội, thường gặp chư Phật, đắc trí túc trụ, mau chứng vô thượng chánh đẳng Bồ-đề.*

*Bấy giờ, Như Lai lại thuyết thân chú:*

*Na Mô Bạc Ca Phiệt Để (1), Bát Thích Nhuông Ba La Nhị Đa Duệ (2), Đát Diệt Tha (3), Thất Lộ Duệ (4), Thất Lộ Duệ (5), Thất Lộ Duệ (6), Thất Lộ Duệ Tế (7), Sa Ha (8). Thân chú này có đủ uy lực,*



**người năng thọ trì, tiêu trừ được nghiệp chướng; chánh pháp đã nghe thì nhớ hết không quên, mau chứng vô thượng chánh đẳng Bồ-đề”.**

Tán: Dưới đây là đoạn thứ hai, ba lần thuyết chú. Chú thứ nhất, ca ngợi đức như lời văn.

Miệng chư Phật đồng thuyết, tâm đều cùng hộ niệm. Hộ là gia trì, niệm là ghi nhớ. Tâm của chư Phật gia trì không quên. Theo những điều mà tâm muốn, trừ những mong muốn xấu ra, còn những mong muốn tốt đều theo sở nguyện.

Chú thứ hai; trong phần ca ngợi đức; sinh ra chư Phật gọi đó là mẹ; vì đó là gốc sinh ra tất cả chư Phật.

Trí tức trụ; nghĩa là những xứ sinh ra, đều đặc diệu trí; biết những chuyện của những kiếp trước; những nhân quả thiện ác đều biết rõ, tức trí tức trụ.

Chú thứ ba; trong phần ca ngợi đức; đủ đại oai nghĩa là chúng đức trang nghiêm, tất cả đều kính nể. Lực; là có khả năng chế phục tất cả.

Chánh pháp đã nghe, nhớ hết không quên; nghĩa là đặc được nhờ trì ý nghĩa của pháp; niệm huệ ghi nhớ rõ ràng, nên mãi mãi không quên. Còn những câu khác thì có thể theo nghĩa mà hiểu.

*Kinh viết: “Bấy giờ, Thế Tôn thuyết chú ấy rồi, nói với Kim Cang thủ Bồ-tát rằng: Nếu các hữu tình vào buổi sáng hàng ngày, chí tâm nghe tụng pháp môn tối thắng, Bát-nhã Ba-la-mật đa thâm thâm lý thú, không gián đoạn; thì các nghiệp chướng xấu đều được tiêu diệt, các thắng thiện lạc thường hiện rõ ngay tại chỗ”.*

Tán rằng: Dưới đây là phần ba ca ngợi thắng đức của kinh; trong đó chia làm hai phần: phần đầu ca ngợi riêng một đoạn pháp môn này; phần hai tổng ca ngợi đức của cả cuốn kinh. Ở phần đầu gồm ba phần: phần đầu ca ngợi đức diệt ác nhiếp thiện. Phần hai là trông nhân mới gặp được đức. Phần cuối ca ngợi đức ứng tại chỗ. Trong phần ca ngợi chung về đức của đoạn ác đặc thiện là phần đầu; phần sau ca ngợi riêng về những đức sinh ra các thiện. Ở đây là phần đầu.

*Kinh viết: “Đại Lạc kim cang bất không thân chú, hiện thân tất đặc cứu cánh thành mãn Kim Cang bí mật của tất cả Như Lai, tối thắng thành tựu, không lâu sẽ đặc đại chấp Kim Cang và tính Như Lai”.*

Tán rằng: Đây là ca ngợi riêng về đức làm sinh ra các thiện. Trong đó có ba: 1. Thành mãn đại lạc kim cang chú; 2. Thành tựu mật pháp kim cang mật; đó là giáo hạnh và lý pháp bảo hiện tiền tất đặc; 3. Đặc tính Như Lai chấp kim cang; đây là ở tại ngôi Phật đại chấp kim cang; là chơn trí của Phật. Tính Như Lai tức là pháp thân, quả là pháp bảo.

Hai quả sau đó nhân vị bất thành, cho nên bảo sẽ đắc khi đã đến ngôi Phật.

*Kinh viết: “Nếu loài hữu tình chưa trông chúng thiện căn ở nhiều chỗ Phật, chưa phát đại nguyện dài lâu đối với pháp môn tối thắng, Bát-nhã Ba-la-mật đa thậm thâm lý thú này; thì không thể nghe, ghi chép, đọc, tụng, cung kính cúng dường, tư duy, tu tập”.*

Tán rằng: Đây là phần hai; trông Nhân mới gặp được Đức. Hễ tu tập thì Hạnh và Nguyện tất phải gồm đủ; nếu đầu tiên mà không có hai thứ đó, thì không thể khởi mười pháp Hạnh. Trên đó đã có bảy pháp hạnh: 1. Nghe; 2. Ghi chép; 3. Đọc; 4. Tụng; 5. Cung kính cúng dường; 6. Tư duy. 7. Tu tập. Ba pháp hạnh còn lại cũng như vậy; đó là Thí người, thọ trì, khai diễn. Trong pháp Hạnh “ghi chép” phải nhờ Nhân mới gặp, huống nữa là các pháp Hạnh thọ trì... Điều đó nói rõ là không có Nhân thì không gặp.

*Kinh viết: “Chủ yếu là phải ở nhiều chỗ Phật, trông nhiều thiện căn, phát Đại nguyện dài lâu mới có thể nghe được pháp môn tối thắng thậm thâm lý thú dù chỉ nghe một câu một chữ huống nữa là đọc, tụng, thọ trì đầy đủ cả”.*

Tán rằng: Đây là nói về có Nhân mới gặp; cứ theo lời văn thì hiểu.

*Kinh viết: “Nếu các hữu tình, cung kính cúng dường tôn trong tán thán nhiều tới tám mươi khắc ca sa câu Na du đa Phật, mới có thể nghe đầy đủ Bát-nhã Ba-la-mật đa thậm thâm lý thú”.*

Tán rằng: Đoạn trên nói nghe được một câu một chữ còn phải nhờ Nhân trước. Đoạn này nói từ đầu chí cuối, chuẩn bị đầy đủ nhiều hạnh. Bốn sự đều đủ gọi là cúng dường. Ba nghiệp thành khẩn gọi là cung kính. Ân cần đọi trên đầu gọi là tôn trọng, trước bàn bạc không ngừng, gọi là tán thán. Khắc ca là tên vị thần sông Hằng. Đẳng: là tương tự. Số Phật ngang bằng và giống với số cát, trong sông Hằng chỉ có cát không có đá, cũng giống như sông Vị Thủy, chỉ có cát không có đá. Câu chi là số triệu. Na Du Đa là số trăm triệu. Một hạt cát là một Câu Chi Na Du Đa. Phật bảo cúng dường ngang với số trăm triệu Phật của tám mươi triệu số cát sông Hằng mới nghe được đầy đủ kinh sâu xa này. Nếu không được vậy thì không thể nghe được nghĩa thâm sâu. Vì lý thâm sâu của kinh người tiểu trí ngu muội không thể hiểu nổi; cho nên phải nhờ nhân lớn, nay mới tu ngộ. Vui thay! Nay may mắn gặp linh văn.

*Kinh viết: “Nếu ở phương khác lưu hành kinh này thì tất cả người, trời, A tố lạc,... đều phải cúng dường. Như những linh miếu*

---

**thờ chư**

Phật. Nếu đặt kinh này, ở nơi thân hoặc tay, thì chư Thiên, nhơn cũng đều phải cung kính đảnh lễ”.

Tán rằng: Đây là phần ba, đức được tôn trọng tại chỗ. Đức ở tại chỗ nào, thì chỗ đó được tôn trọng, ở nơi người nào thì người đó được quý trọng, cứ theo lời văn thì hiểu.

Phật chế Đa; xưa gọi là chi đề, tức tháp miếu. Tháp miếu chỉ là nơi cất giữ xương cốt của hóa thân để lại mà còn phải nghiêm kính; huống nữa là pháp thân sao lại không cúng dường!

***Kinh viết: “Nếu loài hữu tình thọ trì kinh này nhiều kiếp câu chi thì đắc trí túc trú, thường siêng năng tinh tiến tu các thiện pháp; ác ma ngoại đạo không thể ngăn cản. Tứ Đại Thiên Vương và chúng Thiên khác luôn theo ủng hộ, không lừa bỏ, không bị chết dữ, không bị hoạn suy oan uổng; chư Phật Bồ-tát thường cùng hộ trì, khiến cho mọi thời mọi lúc thiện tăng ác giảm; tùy nguyện vãng sinh ở nơi đất Phật; cho đến lúc đắc Bồ-đề, không đọa cõi ác”.***

Tán rằng: Đây là ca ngợi chung, thắng đức của cả quyển kinh. Trong đó có hai phần: Phần đầu ca ngợi riêng, phần sau ca ngợi tổng kết. Đây là phần đầu; trong đó có mười đức: 1. Đắc trí túc trú nhiều kiếp; 2. Chỗ được sinh ra thường tinh tiến tu thiện; 3. Các ma không làm trở ngại; 4. Chư Thiên thường hộ vệ; 5. Không chết dữ; 6. Không bị hoạn nạn oan uổng; 7. Được Phật và Bồ-tát thường hộ niệm; 8. Khiến cho ác diệt, thiện sinh; 9. Tùy nguyện mà sinh ở cõi Phật; 10. Từ đây cho đến lúc được Bồ-đề không bị đọa vào cõi ác. Cõi ác nói ở đây kể cả ba loại xấu trong loài người, đó là: vô hình, hoàng môn nhị hình, nữ nhân.

***Kinh viết: “Các loài hữu tình, thọ trì kinh này, chắc chắn gặt hái được vô biên thắng lợi công đức. Ta nay chỉ nói qua một phần nhỏ như vậy”.***

Tán rằng: Đây là ca ngợi tổng kết. Chơn tướng sở thuyên cùng thấu sự thâm thâm của bốn tính. Giáo môn năng thuyên, là nhân cực diệu của huyền tông. Người thọ trì, gặt hái được sự lợi ích vô biên, không thể nói ra hết; cho nên bảo là một phần nhỏ! Người tu hành muốn chứng được đức đó, phải siêng tu học, cuối cùng sẽ thủ chứng; mới biết là kinh này đặc biệt lợi ích vô cùng.

***Kinh viết: “Lúc Bạc Già phạm thuyết kinh này rồi, các kim cang thủ, các đại Bồ-tát và thiên chúng khác được nghe Phật thuyết, đều vô cùng hoan hỷ, tín thọ phụng hành”.***

Tán rằng: Đây là phần ba cảm ngộ tu hành. Các Đại Bồ-tát là những thượng Nhân tập hợp ở Báo thổ và các chúng Trời khác đã cùng hội với Đại sĩ hóa thân; đều cảm được lời nói của Như Lai, ngộ được hồng tông của tịch chỉ, thâm tâm thuận lãnh tu hành, rồi giải tán.

